

Liên Hoa Kinh

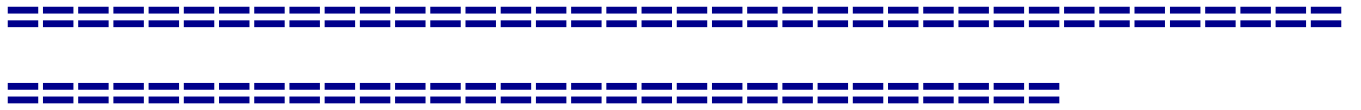
DIEU PHÁP LIÊN HOA KINH Q 6.

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION

<http://www.daitangvietnam.com>

**Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn
Hiển Trần Tiến Huyền phiên âm & lược
dịch.**

**Phật Tử Bùi Đức Huệ dịch tiếng Việt
10/2008 (4/2010 -2013).**



妙法蓮華經卷第六

**Diệu Pháp Liên Hoa Kinh quyển đệ lục.
Kinh Diệu Pháp Liên Hoa quyển thứ 6.**

後秦龜茲國三藏法師鳩摩羅什奉詔譯

**Hậu Tần Quy Tư quốc Tam Tạng Pháp Sư
Cưu Ma La Thập phụng chiếu dịch.**

**Hậu Tần Quy Tư quốc Tam Tạng Pháp Sư
Cưu Ma La Thập phụng chiếu dịch.**

妙法蓮華經隨喜功德品第十八

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Tùy hỉ Công Đức

phẩm đệ thập bát.

**Kinh Diệu Pháp Liên Hoa phẩm thứ 18
Công Đức của vui theo.**

爾時彌勒菩薩摩訶薩白佛言：世尊！

若有善男子善女人，聞是法華經隨喜者，得幾所福？而說偈言：

**Nhĩ thời Di Lạc Bồ Tát Ma Ha Tát bạch
Phật ngôn：Thế Tôn！Nhược hữu thiện
nam tử, thiện nữ nhân, văn thị Pháp Hoa
Kinh tùy hỉ giả, đắc kỷ sở Phúc？Nhi
thuyết kệ ngôn：**

**Lúc đó Di Lạc Bồ Tát Bồ Tát lớn báo cáo
Phật nói rằng：Thế Tôn！Nếu có người
nam thiện, người nữ thiện, nghe Kinh Pháp
Hoa đó vui theo, có được bao nhiêu Phúc？
Mà đọc bài kệ nói rằng：**

世尊滅度後 其有聞是經 若能隨喜者

**Thế Tôn diệt độ hậu. Kỳ hữu văn thị Kinh.
Nhược năng tùy hỉ giả.**

**Thế Tôn sau tạ thế. Nếu có nghe Kinh đó.
Hoặc người hay vui theo.**

爲得幾所福

Vi đắc kỷ sở Phúc.

Có được bao nhiêu Phúc.

爾時佛告彌勒菩薩 摩訶薩。阿逸多！如來滅後，
若比丘比丘尼優婆塞優婆夷，及餘智者，若長若幼，
聞是經隨喜已。

**Nhĩ thời Phật cáo Di Lạc Bồ Tát Ma ha tát.
A Dật Đa ! Như Lai diệt hậu, nhược Tì
Kheo, Tì Kheo ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, cập
dư Trí giả, nhược trưởng nhược ấu, văn thị
Kinh tùy hỉ dĩ.**

**Lúc đó Phật bảo Di Lạc Bồ Tát Bồ Tát lớn.
A Dật Đa ! Sau khi Như Lai tạ thế, nếu nam
Tì Kheo, nữ Tì Kheo, nam Phật Tử, nữ Phật
Tử, với người Trí khác, hoặc già hoặc trẻ,
nghe Kinh đó xong vui theo.**

從法會出，至於餘處，
若在僧坊若空閒地若城邑巷陌聚落田里。

**Tòng Pháp hội xuất, chí ư dư xứ, nhược tại
Tăng phường, nhược không gian địa,
nhược thành ấp hạng mạch, tụ lạc điền lý.
Từ hội Pháp ra ngoài, đi tới nơi khác, hoặc**

ở phường Tăng, hoặc nơi đất trống, hoặc thành ấp ngõ hẻm, thôn xóm làng xã.

如其所聞, 爲父母宗親善友知識,
隨力演說。是諸人等 聞已隨喜復行轉教。

Như kỳ sở văn, vị Phụ mẫu tông thân, thiện hữu Tri thức, tùy lực diễn thuyết. Thị chư nhân đẳng văn dĩ tùy hỉ, phục hành chuyển giáo.

Như họ nghe được, vì Cha mẹ thân tộc, bạn hữu Tri thức, tùy lực diễn thuyết.

Những người đó đều nghe xong vui theo, lại thực hành chuyển dạy.

餘人聞已亦隨喜轉教。如是展轉 至第五十。阿逸多
!

Dư nhân văn dĩ diệc tùy hỉ chuyển giáo.

Như thị triển chuyển chí đệ ngũ thập. A Dật Đa !

Người khác nghe xong cũng vui theo chuyển dạy. Chuyển giao như thế tới người thứ năm mươi. A Dật Đa !

其第五十善男子善女人, 隨喜功德, 我今說之,
汝當善聽 !

Kỳ đệ ngũ thập thiện nam tử, thiện nữ nhân, tùy hỉ Công Đức, Ngã kim thuyết chi, Nhữ đương thiện thính !

Công Đức vui theo của người nam thiện, người nữ thiện thứ năm mươi đó, nay Ta nói nó, Ngài cần lắng nghe !

若四百萬億阿僧祇世界, 六趣四生眾生:
卵生胎生濕生化生。

Nhược tứ bách vạn ức A tăng kì Thế giới, lục Thú tứ Sinh chúng sinh : Noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh.

Nếu bốn trăm vạn trăm triệu A tăng kì Thế giới, sáu Đạo 4 loại Sinh ra chúng sinh : Sinh từ trứng, sinh từ bào thai, sinh do ẩm thấp, sinh do biến hóa.

若有形無形有想無想非有
想非無想無足二足四足多足, 如是等在眾生數者。

Nhược hữu hình, vô hình, hữu tướng, vô tướng, phi hữu tướng, phi vô tướng, vô túc, nhị túc, tứ túc, đa túc, như thị đẳng tại chúng sinh số giả.

Hoặc có hình, không hình, có tướng nhớ,

không có tưởng nhớ, có tưởng nhớ sai,
không có tưởng nhớ sai, không chân, hai
chân, bốn chân, nhiều chân, trong số
chúng sinh như thế.

有人求福，隨其所欲娛樂之具，皆給與之，一一眾生，
與滿閻浮提。

Hữu nhân cầu Phúc, tùy kỳ sở dục ngu lạc
chi cụ, giai cấp dĩ chi, nhất nhất chúng
sinh, dĩ mãn Diêm Phù Đề.

Có người cầu Phúc, đồ dùng vui thích tùy
theo chúng sinh mong cầu, đều cung cấp
cho họ, từng chúng sinh cũng tràn đầy
Diêm Phù Đề.

金銀琉璃砗磲馬腦 珊瑚 琥珀，諸妙珍寶及象馬車乘，
七寶 所成宮殿樓閣等。

Kim ngân lưu ly xa cừ mã não, san hô hổ
phách, chư diệu trân bảo cấp tượng mã xa
thặng, thất bảo sở thành cung điện Lâu các
đẳng.

Vàng bạc lưu ly xa cừ mã não, san hô hổ
phách, trân châu vật báu voi ngựa xe quý,
bảy báu tạo thành cung điện lầu gác.

是大施主，如是布施，

滿八十年已。而作是念。我已施眾生娛樂之具。

Thị đại Thí chủ, như thị Bồ thí, mãn bát thập niên dĩ. Nhi tác thị niệm. Ngã dĩ Thí chúng sinh ngu lạc chi cụ.

Chủ Bồ thí lớn đó, Bồ thí như thế đã hơn tám mươi năm. Mà làm suy ngẫm đó. Ta đã Bồ thí cho các chúng sinh đồ dùng vui thích.

隨意所欲，然此眾生皆已衰老，年過八十，髮白面皺，將死不久。

Tùy ý sở dục, nhiên thử chúng sinh giai dĩ suy lão, niên quá bát thập, phát bạch diện trứ, tương tử bất cửu.

Tùy theo ý muốn, đương nhiên các chúng sinh này đều đã già yếu, tuổi hơn tám chục, tóc bạc mặt nhăn, không lâu sẽ chết.

我當以佛法而訓導之。即集此眾生，宣布法化，示教利喜。

Ngã đương dĩ Phật Pháp nhi huấn đạo chi. Tức tập thử chúng sinh, tuyên bố Pháp hóa, thị giáo lợi hỉ.

Ta cần dùng Pháp Phật mà giáo huấn dẫn đường họ. Tức thời tập hợp chúng sinh này, tuyên bố Pháp cảm hóa, tỏ rõ dạy lợi vui.

一時皆得 須陀洹 道 斯陀含 道 阿那含 道 阿羅漢 道, 盡諸有漏。

Nhất thời giai đắc Tu Đà Hoàn Đạo, Tư Đà Hàm Đạo, A Na Hàm Đạo, A La Hán Đạo, tận chư hữu lậu.

Cùng lúc đều được Đạo Tu Đà Hoàn, Đạo Tư Đà Hàm, Đạo A Na Hàm, Đạo A La Hán, hết các Phiền não.

於深禪定, 皆得自在, 具八解脫。於汝意云何?

是大施主所得功德, 寧為多不? 彌勒白佛言:

Ư thâm Thiên Định, giai đắc Tự tại, cụ bát Giải thoát. Ư Nhữ ý vân hà? Thị đại Thí chủ sở đắc Công Đức, ninh vi đa phủ? Di Lặc bạch Phật ngôn:

Trong Thiên Định sâu đều được Tự do, đủ 8 Giải thoát. Theo ý Ngài là thế nào? Chủ Bồ thí lớn đó được Công Đức, chắc chắn là

nhiều phải không ? Di Lặc báo cáo Phật nói rằng :

世尊!是人功德甚多,無量無邊。若是施主,但施眾生一切樂具,功德無量,何況令得阿羅漢果。佛告彌勒。

Thế Tôn ! Thị nhân Công Đức thậm đa, vô lượng vô biên. Nhược thị Thí chủ, đăn Thí chúng sinh nhất thiết lạc cụ, Công Đức vô lượng, hà hưởng linh đắc A La Hán quả.

Phật cáo Di Lặc.

Thế Tôn ! Công Đức của người đó rất nhiều, vô lượng vô biên. Nếu chủ Bồ thí đó chỉ Bồ thí cho chúng sinh tất cả đồ vui thích, Công Đức vô lượng, hưởng chi giúp họ được quả A La Hán. Phật bảo Di Lặc.

我今分明語汝,是人以一切樂具,
施於四百萬億阿僧祇世界六趣眾生,
又令得阿羅漢果,所得功德。

Ngã kim phân minh ngữ Nhữ, thị nhân dĩ nhất thiết lạc cụ, Thí ư tứ bách vạn ức A tăng kì Thế giới lục thú chúng sinh, hựu hưởng linh đắc A La Hán quả, sở đắc Công Đức.

Ta nay phân biệt nói rõ cho Ngài, người

dùng tất cả đồ vui thích Bồ thí cho sáu Đạo chúng sinh của bốn trăm vạn trăm triệu A tăng kì Thế giới, lại giúp họ được quả A La Hán, có được Công Đức.

不如是第五十人聞法華經一偈。隨喜功德百分千分百千萬億分,不及其一。乃至算數譬喻所不能知。阿逸多！

Bất như thị đệ ngũ thập nhân văn Diệu Pháp Hoa Kinh nhất kệ. Tùy hỉ Công Đức bách phân thiên phân, bách thiên vạn ức phân, bất cập kỳ nhất. Nãi chí toán số thí dụ sở bất năng tri. A Dật Đa !

Không bằng người thứ năm mươi nghe một câu kệ Kinh Diệu Pháp Hoa. Không bằng một phần trăm, phần nghìn, phần trăm nghìn vạn trăm triệu Công Đức vui theo. Thậm chí tính toán ví dụ không thể biết được. A Dật Đa !

如是第五十人,展轉聞法華經。隨喜功德,尚無量無邊阿僧祇。

Như thị đệ ngũ thập nhân, triển chuyển văn Pháp Hoa Kinh. Tùy hỉ Công Đức

thượng vô lượng vô biên A tăng kì.

Như thế người thứ năm mươi chuyển giao
nghe Kinh Pháp Hoa. Công Đức vui theo
còn vô lượng vô biên A tăng kì.

何況最初於會中聞而隨喜者。其福復勝，無量無邊
阿僧祇不可得比。又阿逸多！

Hà huống tối sơ ư Hội trung văn nhi tùy hỉ
giả. Kỳ Phúc phục thắng, vô lượng vô biên
A tăng kì bất khả đắc tỉ. Hựu A Dật Đa !

Huống chi người đầu tiên nghe ở trong Hội
mà vui theo. Phúc của họ lại lớn vô lượng
vô biên A tăng kì không thể sánh được. Lại
nữa A Dật Đa !

若人爲是經故，往詣僧坊，若坐若立，須臾聽受。

Nhược nhân vị thị Kinh cố, vãng nghệ Tăng
phường, nhược tọa nhược lập, tu du thỉnh
thụ.

Nếu người do vì Kinh đó, đi tới phường
Tăng, hoặc đứng hoặc ngồi, nghe nhận
chốc lát.

緣是功德，轉身所生，

得好上妙象馬車乘珍寶輦輿及乘天宮。

Duyên thị Công Đức, chuyển thân sở sinh, đắc hảo thượng diệu tượng mã xa thặng, trân bảo liễn dũ cập thừa Thiên cung.

Duyên Công Đức đó, chuyển thân được sinh, được ngồi xe ngựa voi loại thượng hạng, xe quý châu báu và ngồi ở cung điện Trời.

若復有人，於講法處坐，更有人來，勸令坐聽。若分座令坐，是人功德。

Nhược phục hữu nhân, ư giảng Pháp xứ tọa, cánh hữu nhân lai, khuyến linh tọa thính. Nhược phân tòa linh tọa, thị nhân Công Đức.

Nếu lại có người ngồi ở nơi giảng Pháp, có thêm người tới, khuyến giúp ngồi nghe. Nếu chia phần chỗ ngồi, Công Đức của người đó.

轉身得帝釋坐處，若梵王坐處若轉輪聖王所坐之處。阿逸多！

Chuyển thân đắc Đế thích tọa xứ, nhược Phạm Vương tọa xứ, nhược Chuyển luân Thánh Vương sở tọa chi xứ. A Dật Đa !

Chuyển thân được nơi ngôi của Ngọc Hoàng Đế Thích, hoặc nơi ngôi của Vua Phạm, hoặc nơi ngôi của Vua Thánh Chuyển luân. A Dật Đa !

若復有人語餘人言：有經名法華，
可共往聽。即受其教，乃至須臾間聞，是人功德，
Nhuộc phục hữu nhân, ngũ dư nhân ngôn :
Hữu Kinh danh Pháp Hoa, khả cộng vãng
thính. Tức thụ kỳ giáo, nãi chí tu du gian
vãn, thị nhân Công Đức.

Nếu lại có người, bảo với người khác nói rằng : Có Kinh tên Pháp Hoa, có thể cùng nhau tới nghe. Tức thời nhận lời khuyên, thậm chí chỉ nghe giây lát, Công Đức của người đó.

轉身得與陀羅尼 菩薩 共生一處，利根智慧，
百千萬世，終不瘖啞，口氣不臭。

Chuyển thân đắc dĩ Đà La Ni Bồ Tát cộng sinh nhất xứ, lợi Căn Trí tuệ, bách thiên vạn thế, chung bất âm á, khẩu khí bất xú. Chuyển thân được cùng sinh một nơi với Đà La Ni Bồ Tát (Bồ Tát Bạc thứ 5 trở lên),

**Trí tuệ Căn thông lợi, trăm nghìn vạn đời,
không cam không điếc, hơi thở không hôi.**

舌常無病,

口亦無病。齒不垢黑不黃不踈亦不缺落不差曲。

**Thiệt thường vô bệnh, khẩu diệc vô bệnh,
xỉ bất cầu hắc, bất hoàng, bất tặc, diệc bất
khuyết lạc, bất sai bất khúc.**

**Lưỡi thường không bệnh, miệng cũng
không bệnh. Răng không đen bản, không
vàng, không thưa, cũng không khuyết lạc,
không dị dạng, không cong.**

脣不下垂亦不褰縮不麤澀不瘡胗亦不缺壞亦不喎斜
不厚不大亦不黧黑, 無諸可惡。

**Thân bất hạ thù, diệc bất khiên súc, bất
thô sáp, bất sang chấn, diệc bất khuyết
hoại, diệc bất quá tà, bất hậu bất đại, diệc
bất lê hắc, vô chư khả ác.**

**Môi không trĩ xuống, cũng không quăn
nhăn, không thô sáp, không mụn nhọt,
cũng không khuyết hồng, cũng không quá
lệch, không dày không lớn, cũng không
đen nhem, các tướng ác không có.**

鼻不匾[匚麤]亦不曲戾。面色不黑亦不狹長亦不窳曲，無有一切不可喜相。

Tị bất biến đề, diệc bất khúc lệ. Diện sắc bất hắc, diệc bất hiệp trường, diệc bất oa khúc, vô hữu nhất thiết khả hỉ tướng.

Mũi không dẹt bẹt, cũng không cong queo. Sắc mặt không đen, cũng không dài hẹp, cũng không cong lõm, không có bất kỳ hình tướng không vui nào.

脣舌牙齒，悉皆嚴好，鼻修高直，
面貌圓滿眉高而長額廣平正，人相具足。

Thần thiết nha xỉ, tất giai nghiêm hảo, tị tu cao trực, diện mạo viên mãn, mi cao nhi trường, ngạch quảng bình chính nhân tướng cụ túc.

Môi lưỡi răng tất cả đều nghiêm đẹp, mũi cao dài ngay thẳng, diện mạo đầy đủ, mi cao và dài, trán rộng bằng phẳng, tướng người đầy đủ.

世世所生，見佛聞法，信受教誨。阿逸多！
汝且觀是勸於一人令往聽法。

Thế thế sở sinh, kiến Phật văn Pháp, tín

thụ giáo hối. A Dật Đa ! Nhữ thả quan thị
khuyến ư nhất nhân linh vãng thính Pháp.
Đời đời được sinh, thấy Phật nghe Pháp,
tin nhận lời dạy. A Dật Đa ! Ngài vừa quan
sát việc khuyến một người giúp họ vãng
tới nghe Pháp.

功德如此，何況一心聽說讀誦，而於大眾為人分別，
如說修行。

Công Đức như thử, hà hướng nhất tâm
thính thuyết độc tụng, nhi ư Đại chúng vị
nhân phân biệt, như thuyết tu hành.

Công Đức như thế, hướng chi nhất tâm
nghe nói độc tụng, mà trong Đại chúng vì
người phân biệt, như nói tu hành.

爾時 世尊 欲重宣此義，而說偈言：

Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử
nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn：

Lúc đó Thế Tôn muốn nói lại nghĩa này,
mà đọc bài kệ nói rằng：

若人於法會 得聞是經典 乃至於一偈

Nhược nhân ư Pháp hội. Đắc văn thị Kinh
điển. Nãi chí ư nhất kệ.

**Nếu người trong hội Pháp. Được nghe Kinh
điển đó. Thậm chí với một kệ.**

隨喜爲他說如是展轉教至於第五十

**Tùy hỉ vị tha thuyết. Như thị triển chuyển
giáo. Chí ư đệ ngũ thập.**

**Vui theo vì người nói. Như thế chuyển giao
dạy. Tới được thứ năm mươi.**

最後人獲福今當分別之如有大施主

**Tối hậu nhân hoạch Phúc. Kim đương
phân biệt chi. Như hữu đại Thí chủ.**

**Người cuối cùng được Phúc. Nay cần phân
biệt rõ. Như có chủ Cho lớn.**

供給無量衆具滿八十歲隨意之所欲

**Cung cấp vô lượng Chúng. Cụ mãn bát
thập tuế. Tùy ý chi sở dục.**

**Cung cấp vô lượng Chúng. Đầy đủ tám
mười năm. Tùy ý họ mong muốn.**

見彼衰老相髮白而面皺齒踈形枯竭

**Kiến bỉ suy lão tướng. Phát bạch nhi diện
trúu. Xỉ tốc hình khô kiệt.**

**Thấy tướng họ già yếu. Tóc bạc và mặt
nhăn. Răng thưa hình khô kiệt.**

念其死不久 我今應當教 令得於 道果

Niệm kỳ tử bất cứu. Ngã kim ứng đương
giáo. Linh đặc ư Đạo quả.

**Nghĩ không lâu họ chết. Nay Ta cần nên
dạy. Giúp cho được quả Đạo.**

即爲方便說 涅槃 眞實法 世皆不牢固

Tức vị Phương tiện thuyết. Niết Bàn chân
thực Pháp. Thế giai bất lao cố.

**Liên dùng Phương tiện nói. Pháp chân thực
Niết Bàn. Đời đều không bền vững.**

如水沫泡燄汝等咸應當疾生厭離心

Như thủy bọt bọt bào diễm. Nhữ đẳng hàm
ưng đương. Tật sinh yếm ly tâm.

**Như bọt nước xô bờ. Các Ngài đều cần
phải. Nhanh sinh tâm chán rời.**

諸人聞是法 皆得阿羅漢 具足六神通

Chư nhân văn thị Pháp. Giai đắc A La Hán.
Cụ túc lục Thần thông.

**Các người nghe Pháp đó. Đều được A La
Hán. Đây đủ 6 Thần thông.**

三明 八解脫 最後第五十聞一偈隨喜

Tam Minh bát Giải thoát. Tối hậu đệ ngũ

thập. Văn nhất kệ tùy hỉ.

**Ba Sáng tám Giải thoát. Cuối cùng thứ năm
mười. Nghe một kệ vui theo.**

是人福勝彼不可爲譬喻如是展轉聞

Thị nhân Phúc thắng bỉ. Bất khả vi thí dụ.

Như thị triển chuyển văn.

Phúc người đó hơn nó. Không thể là ví dụ.

Truyền nhau nghe như thế.

其福尚無量何況於法會初聞隨喜者

Kỳ Phúc thượng vô lượng. Hà hưởng ư

Pháp hội. Sơ văn tùy hỉ giả.

**Phúc này còn vô lượng. Hưởng chi trong
hội Pháp. Người đầu nghe vui theo.**

若有勸一人將引聽法華言此經深妙

Nhược hữu khuyến nhất nhân. Tương dẫn
thính Pháp Hoa. Ngôn thủ Kinh thâm diệu.

**Nếu có khuyến một người. Dẫn tới nghe
Pháp Hoa. Nói Kinh này sâu hay.**

千萬劫難遇即受教往聽乃至須臾聞

Thiên vạn Kiếp nan ngộ. Tức thụ giáo vãng
thính. Nãi chí tu du văn.

Nghìn vạn Kiếp khó gặp. Liên nhận lời tới nghe. Thậm chí nghe giây lát.

斯人之福報今當分別說 世世無口患

Tư nhân chi Phúc báo. Kim đương phân biệt thuyết. Thế thế vô khẩu hoạn.

Phúc báo của người này. Nay cần phân biệt nói. Đòi đòi không vạ miệng.

齒不踈黃黑 脣不厚褻缺 無有可惡相

Xỉ bất tốc hoàng hắc. Thân bất hậu khiên khuyết. Vô hữu khả ác tướng.

Răng không thưa vàng đen. Môi không dầy co khuyết. Không thể có tướng ác.

舌不乾黑短 鼻高脩且直 額廣而平正

Thiệt bất can hắc đoản. Tị cao tu thả trực. Nghịch quảng nhi bình chính.

Lưỡi không khô đen ngắn. Mũi cao dài ngay thẳng. Trán rộng và bằng phẳng.

面目悉端嚴 爲人所喜見 口氣無臭穢

Diện mục tất đoan nghiêm. Vi nhân sở hỉ kiến. Khẩu khí vô xú uế.

Mặt mũi đều đoan nghiêm. Là người thấy được vui. Hơi miệng không hôi hám.

Liên Hoa Kinh

優鉢華之香常從其口出若故詣僧坊

Ưu bát hoa chi hương. Thường tòng kỳ khẩu xuất. Nhược cố nghệ Tăng phường.

Hương thơm hoa Sen xanh. Thường sinh từ miệng họ. Hoặc cố tới phường Tăng.

欲聽法華經 須臾聞歡喜今當說其福

Dục thính Pháp Hoa Kinh. Tu du văn hoan hỉ. Kim đương thuyết kỳ Phúc.

Muốn nghe Kinh Pháp Hoa. Giây lát nghe vui theo. Nay cần nói Phúc này.

後生天人中得妙象馬車珍寶之輦輿

Hậu sinh Thiên nhân trung. Đắc diệu tượng mã xa. Trân bảo chi liên dũ.

Hậu sinh trong người Trời. Được xe ngựa voi đẹp. Châu báu và xe quý.

及乘天宮殿若於講法處勸人坐聽經

Cập thừa Thiên cung điện. Nhược ư giảng Pháp xứ. Khuyển nhân tọa thính Kinh.

Được ngôi cung điện Trời. Hoặc ở nơi giảng Pháp. Khuyên người ngồi nghe Kinh.

是福因緣得 釋梵 轉輪座何況一心聽

Thị Phúc Nhân duyên đắc. Thích Phạm

**Chuyển luân tòa. Hà hưởng nhất tâm thính.
Được Phúc Nhân duyên đó. Tòa Chuyển
luân Thích Phạm. Hưởng hồ nhất tâm
nghe.**

解說其義趣如說而修行其福不可限

**Giải thuyết kỳ nghĩa thú. Như thuyết nhi tu
hành. Kỳ Phúc bất khả hạn.**

**Giảng giải ý nghĩa này. Như nói mà tu
hành. Phúc này không thể hạn.**

妙法蓮華經法師功德品第十九。

**Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Pháp Sư Công
Đức Phẩm đệ thập cửu.**

**Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Phẩm thứ 19
Công Đức của Thầy Pháp.**

爾時佛告常精進菩薩摩訶薩。若善男子善女人，
受持是法華經，若讀若誦若解說若書寫。

**Nhĩ thời Phật cáo Thường Tinh Tiến Bồ Tát
Ma Ha Tát. Nhược thiện nam tử, thiện nữ**

nhân, thụ trì thị Pháp Hoa Kinh, nhược
độc, nhược tụng, nhược giải thuyết, nhược
thư tả.

Lúc đó Phật bảo Thường Tinh Tiến Bồ Tát
Bồ Tát lớn. Nếu người nam thiện, người nữ
thiện, nhận giữ Kinh Pháp Hoa đó, hoặc
đọc, hoặc tụng, hoặc giảng giải, hoặc viết
chép.

是人當得八百眼 功德

千二百耳功德八百鼻功德千二百舌功德八百身功德
千二百意功德。

Thị nhân dương đắc bát bách Nhân Công
Đức, thiên nhị bách Nhĩ Công Đức, bát
bách Tị Công Đức, thiên nhị bách Thiệt
Công Đức, bát bách Thân Công Đức, thiên
nhị bách Ý Công Đức.

Người đó đang được tám trăm Công Đức
của Mắt, nghìn hai trăm Công Đức của Tai,
tám trăm Công Đức của Mũi, nghìn hai
trăm Công Đức của Lưỡi, tám trăm Công
Đức của Thân, nghìn hai trăm Công Đức
của Ý.

以是功德，莊嚴六根，皆令清淨。是善男子善女人，父母所生清淨肉眼，見於三千大千世界。

Dĩ thị Công Đức, trang nghiêm lục Căn, giai linh Thanh tịnh. Thị thiện nam tử, thiện nữ nhân, Phụ mẫu sở sinh Thanh tịnh nhục Nhãn, kiến ư Tam thiên Đại thiên Thế giới. Dùng Công Đức đó trang nghiêm 6 Căn, đều giúp cho Thanh tịnh. Người nam thiện, người nữ thiện đó, Cha mẹ sinh được Mắt bằng thịt Thanh tịnh, thấy ở Ba nghìn Đại thiên Thế giới.

內外所有山林河海，下至阿鼻地獄，上至有頂，亦見其中一切眾生，及業因緣果報生處，悉見悉知。

Nội ngoại sở hữu sơn lâm hà hải, hạ chí A Tì Địa ngục, thượng chí Hữu đỉnh, diệc kiến kỳ trung nhất thiết chúng sinh, cập Nghiệp Nhân duyên, quả báo sinh xứ, tất kiến tất tri.

Tất cả rừng núi sông biển trong ngoài, dưới tới Địa ngục A Tì, trên tới đỉnh Trời, cũng thấy tất cả chúng sinh trong đó, cùng

Nghiệp Nhân duyên, quả báo nơi sinh, đều thấy đều biết.

爾時世尊欲重宣此義，而說偈言：

Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn：

Lúc đó Thế Tôn muốn nói lại nghĩa này, mà đọc bài nói kệ rằng：

若於大衆中以無所畏心說是法華經

Nhược ư Đại Chúng trung. Dĩ vô sở úy tâm. Thuyết thị Pháp Hoa Kinh.

Nếu ở trong Đại chúng. Dùng tâm không sợ hãi. Nói Kinh Pháp Hoa đó.

汝聽其功德是人得八百功德殊勝眼

Nhữ thính kỳ Công Đức. Thị nhân đắc bát bách. Công Đức thù thắng Nhãn.

Ngài nghe Công Đức này. Người đó được 8 trăm. Công Đức Mắt rất tốt.

以是莊嚴故其目甚清淨父母所生眼

Dĩ thị trang nghiêm cố. Kỳ Mục thậm Thanh tịnh. Phụ mẫu sở sinh Nhãn.

Do dùng để trang nghiêm. Mắt này rất Thanh tịnh. Cha mẹ sinh được Mắt.

悉見三千界內外彌樓山 須彌 及鐵圍

Tất kiến Tam thiên giới. Nội ngoại Di lâu sơn, Tu Di cập Thiết vi.

Đều thấy cõi Ba nghìn. Trong ngoài núi Di lâu, Tu Di và Thiết vi.

并諸餘山林大海江河水下至阿鼻獄

Tịnh chư dư sơn lâm. Đại hải giang hà thủy. Hạ chí A Tì ngục.

Cả các rừng núi khác. Nước sông ngòi biển lớn. Dưới tới ngục A Tì.

上至有頂處其中諸衆生一切皆悉見

Thượng chí Hữu đỉnh xứ. Kỳ trung chư chúng sinh. Nhất thiết giai tất kiến.

Trên tới nơi đỉnh Trời. Các chúng sinh trong đó. Tất cả đều cùng thấy.

雖未得天眼 肉眼力如是

Tuy vị đắc Thiên nhãn. Nhục Nhãn lực như thị.

Tuy chưa được mắt Trời. Lục Mắt thịt như thế.

復次常精進！若善男子善女人，受持此經，
若讀若誦若解說若書寫，得千二百耳功德。

Phục thứ Thường Tinh Tiến ! Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân, thụ trì thủ Kinh, nhược đọc, nhược tụng, nhược giải thuyết, nhược thư tả, đặc thiên nhị bách Nhĩ Công Đức.

Lại nữa Thường Tinh Tiến ! Nếu người nam thiện, người nữ thiện, nhận giữ Kinh này, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc giảng giải hoặc viết chép, được nghìn hai trăm Công Đức của Tai.

以是清淨耳，聞 三千大千世界，下至 阿鼻地獄，上至有頂，其中內外種種語言音聲。

Dĩ thị Thanh tịnh Nhĩ, văn Tam thiên Đại thiên Thế giới, hạ chí A Tì Địa ngục, thượng chí Hữu đỉnh, kỳ trung nội ngoại chủng chủng ngữ ngôn âm thanh.

Dùng Tai Thanh tịnh đó, nghe Ba nghìn Đại thiên Thế giới, dưới tới Địa ngục A Tì, trên tới đỉnh Trời, trong ngoài trong đó đủ loại lời nói âm thanh.

象聲馬聲牛聲車聲啼哭聲愁歎聲螺聲鼓聲鍾聲鈴聲笑聲語聲男聲女聲。

Tượng thanh, mã thanh, ngư thanh, xa thanh, đê khốc thanh, sấu thán thanh, loa thanh, cổ thanh, chung thanh, linh thanh, tiểu thanh, ngữ thanh, nam thanh, nữ thanh.

Tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng trâu, tiếng xe, tiếng khóc lóc, tiếng kêu sấu, tiếng loa, tiếng trống, tiếng chuông, tiếng linh, tiếng cười, tiếng nói, tiếng nam, tiếng nữ.

童子聲童女聲法聲非法聲苦聲樂聲凡夫聲聖人聲喜聲不喜聲天聲龍聲。

Đồng tử thanh, Đồng nữ thanh, Pháp thanh, phi Pháp thanh, khổ thanh, lạc thanh, Phàm phu thanh, Thánh nhân thanh, hỉ thanh, bất hỉ thanh, Thiên thanh, Long thanh.

Tiếng Cậu bé, tiếng Cô bé, tiếng Pháp, tiếng Pháp sai, tiếng khổ, tiếng vui, tiếng người Phàm, tiếng người Thánh, tiếng vui, tiếng không vui, tiếng Trời, tiếng Rồng.

夜叉聲乾闥婆聲阿修羅聲迦樓羅聲緊那羅聲摩睺羅伽聲火聲水聲風聲。

Dạ Xoa thanh, Kiền Thát Bà thanh, A Tu La thanh, Ca Lâu La thanh, Khẩn Na La thanh, Ma Hầu La Già thanh, hỏa thanh, thủy thanh, phong thanh.

Tiếng Dạ Xoa, tiếng Kiền Thát Bà, tiếng A Tu La, tiếng Ca Lâu La, tiếng Khẩn Na La, tiếng Ma Hầu La Già, tiếng lửa, tiếng nước, tiếng gió.

地獄聲畜生聲 餓鬼聲比丘聲比丘尼聲 聲聞聲
辟支佛聲菩薩聲佛聲。

Địa ngục thanh, Súc sinh thanh, Ngạ quỷ thanh, Tì Kheo thanh, Tì Kheo ni thanh, Thanh Văn thanh, Bích Chi Phật thanh, Bồ Tát thanh, Phật thanh.

Tiếng của Địa ngục, tiếng Súc sinh, tiếng Quỷ đói, tiếng nam Tì Kheo, tiếng nữ Tì Kheo, tiếng Thanh Văn, tiếng Bích Chi Phật, tiếng của Bồ Tát, tiếng của Phật.

以要言之，三千大千世界中，一切内外所有諸聲，
雖未得天耳，以父母所生清淨常耳，皆悉聞知。

Dĩ yếu ngôn chi, Tam thiên Đại thiên Thế giới trung, nhất thiết nội ngoại sở hữu chư

thanh, tuy vị đắc Thiên nhĩ, dĩ Phụ mẫu sở sinh Thanh tịnh thường Nhĩ, giai tất văn tri. Chủ yếu nói như thế, trong Ba nghìn Đại thiên Thế giới, tất cả trong ngoài hết thảy các âm thanh, tuy chưa được tai Trời, dùng Tai bình thường Thanh tịnh được Cha mẹ sinh, đều cùng nghe biết.

如是分別種種音聲，而不壞耳根。

Như thị phân biệt chủng chủng âm thanh, nhi bất hoại Nhĩ Căn.

Phân biệt đủ loại âm thanh như thế, mà không hỏng Căn tai.

爾時世尊欲重宣此義，而說偈言：

Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn：

Lúc đó Thế Tôn muốn nói lại nghĩa này mà đọc bài kệ nói rằng：

父母所生耳清淨無濁穢以此常耳聞

Phụ mẫu sở sinh Nhĩ. Thanh tịnh vô trọc uế. Dĩ thử thường Nhĩ văn.

Tai được Cha mẹ sinh. Thanh tịnh không ô uế. Dùng Tai thường này nghe.

三千世界聲象馬車牛聲鐘鈴螺鼓聲

Tam thiên Thế giới thanh. Tượng mã xa
ngưu thanh. Chung linh loa cổ thanh.

Tiếng Ba nghìn Thế giới. Tiếng voi ngựa xe
trâu. Tiếng chuông linh loa trống.

琴瑟箏篴聲簫笛之音聲清淨好歌聲

Cầm sắt không hầu thanh. Tiêu địch chi
âm thanh. Thanh tịnh hảo ca thanh.

Tiếng cầm sắt đàn cầm. Âm thanh của tiêu
sáo. Tiếng ca hay Thanh tịnh.

聽之而不著無數種人聲聞悉能解了

Thính nhi chi bất trước. Vô số chủng nhân
thanh. Văn tất năng giải liễu.

Nghe mà không nương nhờ. Vô số loại
tiếng người. Nghe đều hay hiểu rõ.

又聞諸天聲微妙之歌音及聞男女聲

Hựu văn chư Thiên thanh. Vi diệu chi ca
âm. Cập văn nam nữ thanh.

Lại nghe tiếng các Trời. Âm hát hay vi
diệu. Cũng nghe tiếng nam nữ.

童子童女聲山川險谷中迦陵頻伽聲

Đông tử Đông nữ thanh. Sơn xuyên hiểm

cốc trung. Ca lăng tần già thanh.

**Tiếng Cậ bé Cô bé. Trong núi đồng hang
hiểm. Tiếng Ca lăng tần già.**

命命等諸鳥悉聞其音聲 地獄衆苦痛

**Mệnh mệnh đặng chư điều. Tất văn kỳ âm
thanh. Địa ngục chúng khổ thống.**

**Mệnh mệnh cùng các chim. Đều nghe âm
thanh đó. Các đau khổ Địa ngục.**

種種楚毒聲 餓鬼飢渴逼求索飲食聲

**Chủng chủng sở độc thanh. Nga quý cơ
khát bức. Cầu sách ẩm thực thanh.**

**Đủ loại tiếng khổ độc. Tiếng Quý đói khát
bức. Tiếng đòi tìm ăn uống.**

諸阿脩羅等居在大海邊自共語言時

**Chư A Tu La đặng. Cư tại đại hải biên. Tự
cộng ngôn ngữ thời.**

**Các loại A Tu La. Sống ở bờ biển lớn. Lúc
tự cùng trao đổi.**

出於大音聲如是說法者安住於此間

**Xuất ư đại âm thanh. Như thị thuyết Pháp
giả. An trụ ư thử gian.**

Phát ra âm thanh lớn. Người nói Pháp như thế. Yên ở trong phòng này.

遙聞是衆聲而不壞耳根 十方世界中

Dao văn thị chúng thanh. Nhi bất hoại nhĩ Căn. Thập phương Thế giới trung.

Xa nghe các âm đó. Mà không hỏng Căn tai. Trong Thế giới mười phương.

禽獸鳴相呼 其說法之人於此悉聞之

Cầm thú minh tương hô. Kỳ thuyết Pháp chi nhân. Ư thử tất văn chi.

Chim thú hát cùng kêu. Người nói giảng Pháp đó. Ở đây đều nghe được.

其諸梵 天上 光音及遍淨乃至有頂天

Kỳ chư Phạm Thiên thượng. Quang Âm cập Biến Tịnh. Nãi chí Hữu Đỉnh Thiên.

Trên các Trời Phạm đó. Quang Âm và Biến Tịnh. Thậm chí Trời Hữu Đỉnh.

言語之音聲 法師住於此悉皆得聞之

Ngôn ngữ chi âm thanh. Pháp Sư trụ ư thử. Tất giai đắc văn chi.

Lời nó và âm thanh. Thầy Pháp ở nơi này. Đều cùng được nghe hết.

一切比丘衆及諸比丘尼若讀誦經典

Nhất thiết Trì Kheo chúng. Cập chư Trì Kheo ni. Nhược độc tụng Kinh điển.

Tất cả chúng Trì Kheo. Và các nữ Trì Kheo. Nếu đọc tụng Kinh điển.

若爲他人說法師住於此悉皆得聞之

Nhược vị tha nhân thuyết. Pháp sư trụ ư thử. Tất giai đắc văn chi.

Nếu vì người khác nói. Thầy Pháp ở nơi này. Đều cùng được nghe hết.

復有諸菩薩讀誦於經法若爲他人說

Phục hữu chư Bồ Tát. Độc tụng ư Kinh Pháp. Nhược vị tha nhân thuyết.

Lại có các Bồ Tát. Đọc tụng với Kinh Pháp. Nếu vì người khác nói.

撰集解其義如是諸音聲悉皆得聞之

Soạn tập giải kỳ nghĩa. Như thị chư âm thanh. Tất giai đắc văn chi.

Soạn tập giải nghĩa Kinh. Các âm thanh như thế. Đều cùng được nghe hết.

諸佛大聖尊教化衆生者於諸大會中

Chư Phật Đại Thánh Tôn. Giáo hóa chúng

sinh giả. Ư chư đại Hội trung.

Các Phật Đại Thánh Tôn. Giáo hóa chúng sinh đó. Ở trong các Hội lớn.

演說微妙法持此法華者悉皆得聞之

Diễn thuyết vi diệu Pháp. Trì thủ Pháp Hoa giả. Tất giai đắc văn chi.

Diễn thuyết Pháp vi diệu. Người giữ Pháp Hoa này. Đều cùng được nghe hết.

三千大千界內外諸音聲下至阿鼻獄

Tam thiên Đại thiên giới. Nội ngoại chư âm thanh. Hạ chí A Tì ngục.

Ba nghìn Đại thiên giới. Các âm thanh trong ngoài. Dưới tới ngục A Tì.

上至有頂天皆聞其音聲而不壞耳根

Thượng chí Hữu Đỉnh Thiên. Giai văn kỳ âm thanh. Nhi bất hoại nhĩ Căn.

Trên tới Trời Hữu Đỉnh. Đều nghe âm thanh đó. Mà không hỏng Căn tai.

其耳聰利故悉能分別知持是法華者

Kỳ văn thông lợi cố. Tất năng phân biệt tri. Trì thị Pháp Hoa giả.

**Do tai họ thông lợi. Đều hay biết phân biệt.
Người giữ Pháp Hoa đó.**

雖未得天耳但用所生耳功德已如是

**Tuy vị đắc Thiên nhĩ. Dẫn dụng sở sinh
nhĩ. Công Đức dĩ như thị.**

**Tuy chưa được tai Trời. Chỉ dùng tai được
sinh. Công Đức đã như thế.**

復次常精進！若 善男子 善女人，受持是經，
若讀若誦若解說若書寫，成就八百鼻 功德。

**Phục thứ Thường Tinh Tiến ! Nhược thiện
nam tử, thiện nữ nhân, thụ trì thị Kinh,
nhược đọc, nhược tụng, nhược giải thuyết,
nhược thư tả, thành tựu bát bách Tị Công
Đức.**

**Lại nữa Thường Tinh Tiến ! Nếu người nam
thiện, người nữ thiện, nhận giữ Kinh đó,
hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc giảng giải, hoặc
viết chép, thành công 8 trăm Công Đức
của Mũi.**

以是清淨鼻根，聞於 三千大千世界，
上下內外種種諸香，須曼那 華香 闍提
華香末利華香。

Dĩ thị Thanh tịnh tị Căn, văn ư Tam thiên
Đại thiên Thế giới, thượng hạ nội ngoại
chủng chủng chư hương, Tu man na hoa
hương, Xà đề hoa hương, Mạt lợi hoa
hương.

Dùng Căn mũi Thanh tịnh đó, biết ở Ba
nghìn Đại thiên Thế giới, đủ loại hương
trong ngoài trên dưới, hương hoa Tu man
na, hương hoa Xà đề, hương hoa Mạt lợi.

瞻蔔華香波羅羅華香赤蓮華香青蓮華香白蓮華
香華樹香果樹香栴檀香。

Đảm bặc hoa hương, Ba la la hoa hương,
xích Liên hoa hương, thanh Liên hoa
hương, bạch Liên hoa hương, Hoa thụ
hương, Quả thụ hương, Chiên đàn hương.

Hương hoa Đảm bặc, hương hoa Ba la la,
hương hoa Sen đỏ, hương hoa Sen xanh,
hương hoa Sen trắng, hương cây hoa,
hương cây quả, hương Chiên đàn.

沈水香多摩羅跋香多伽羅香, 及千萬種和香,
若末若丸若塗香。

Trầm thủy hương, Đa ma la bạt hương, Đa

già la hương, cập thiên vạn chủng hòa hương, nhược mật, nhược hoàn, nhược đô hương.

Hương nhựa Trâm, hương Đa ma la bạt, hương Đa già la, và nghìn vạn loại hòa hợp hương, là bột, là viên, hoặc hương bôi.

持是經者，於此間住，悉能分別。又復別知眾生之香，象香馬香牛羊等香。

Trì thị Kinh giả, ư thử gian trụ, tất năng phân biệt. Hựu phục biệt tri chúng sinh chi hương, tượng hương, mã hương, ngưu dương đẳng hương.

Người giữ Kinh đó, ở thời gian này, đều có thể phân biệt. Mà lại cũng biết phân biệt hương của chúng sinh, mùi voi, mùi ngựa, mùi các trâu dê.

男香女香童子香童女香，
及草木叢林香。若近若遠所有諸香，
悉皆得聞分別不錯。

Nam hương, nữ hương, Đồng tử hương, Đồng nữ hương, cập thảo mộc tùng lâm hương. Nhược cận nhược viễn sở hữu chư

hương, tất giai đặc văn, phân biệt bất thổ. Mùi nam, mùi nữ, mùi Cậu bé, mùi Cô bé, mùi cỏ cây rừng rậm. Tất cả các hương hoặc gần hoặc xa, đều cùng được ngửi, phân biệt không sai.

持是經者，雖住於此，亦聞天上諸天之香，
波利質多羅拘鞞陀羅樹香，及曼陀羅華香。

Trì thị Kinh giả, tuy trụ ư thử, diệc văn
Thiên thượng chư Thiên chi hương, Ba lợi
chất đa la, Câu tì đà la thụ hương, cập Man
đà la hoa hương,

Người giữ Kinh đó, tuy ở nơi này, cũng
ngửi các hương ở trên Trời trên Trời,
hương Ba lợi chất đa la, hương cây Câu tì
đà la và hương hoa Sen trắng nhỏ.

摩訶曼陀羅華香 曼殊沙華香 摩訶曼殊沙華
香 梅檀沈水，種種末香，諸雜華香。

Ma ha Man đà la hoa hương, Man thù sa
hoa hương, Ma ha Man thù sa hoa hương,
Chiên đàn Trâm thủy, chủng chủng mạt
hương, chư tạp hoa hương.

Hương hoa Sen trắng lớn, hương hoa Sen

**đỏ nhỏ, hương hoa Sen đỏ lớn, Chiên đàn
nhựa Trâm, đủ loại hương bột, các hương
hoa hỗn tạp.**

如是等天香, 和合所出之香,
無不聞知。又聞諸天身香, 釋提桓因 在勝殿上, 五欲
娛樂嬉戲時香。

**Như thị đẳng Thiên hương, hòa hợp sở
xuất chi hương, vô bất văn tri. Thị văn chư
Thiên thân hương, Thích Đề Hoàn Nhân tại
Thắng điện thượng, ngũ Dục ngu lạc hi hí
thời hương.**

**Như thế cùng với hương Trời, hòa hợp
thành các hương, đều cùng ngửi biết. Lại
biết được hương thân các người Trời,
hương của Ngọc Hoàng Đế Thích ở trên
điện Thắng, hương khi vui đùa hưởng thụ
năm Tham muốn.**

若在 妙法堂 上,
爲忉利諸天說法時香。若於諸園遊戲時香,
及餘天等男女身香, 皆悉遙聞。

**Nhược tại diệu Pháp đường thượng, vị Đạo
Lợi chư Thiên thuyết Pháp thời hương.**

Nhược ư chư viên du hí thời hương, cập dư Thiên đẳng nam nữ thân hương, giai tất dao văn.

Hoặc trên phòng giảng Pháp vi diệu, hương khi vì các người Trời nói Pháp ở cung Trời Đao Lợi. Hoặc trong các vườn hương khi vui đùa và hương của Trời khác cùng với thân nam nữ, đều cùng ngửi từ xa.

如是展轉乃至梵世, 上至有頂, 諸天身香, 亦皆聞之。

Như thị triển chuyển nãi chí Phạm thế, thượng chí Hữu Đỉnh, chư Thiên thân hương, diệc giai văn chi.

Như thế chuyển lên thậm chí Thế giới Phạm, cao tới Đỉnh Trời, hương thân thể của các Trời cũng đều ngửi thấy.

并聞諸天所燒之香,
及聲聞香辟支佛香菩薩香諸佛身香,
亦皆遙聞, 知其所在。

Tịnh văn chư Thiên sở thiêu chi hương, cập Thanh Văn hương, Bích Chi Phật hương, Bồ Tát hương, chư Phật thân

hương, diệp giai dao văn, tri kỳ sở tại.
Kể cả người thấy mùi hương đốt của các
Trời, cùng với hương Thanh Văn, hương
Bích Chi Phật, hương Bồ Tát, hương thân
các Phật, cũng đều người thấy từ xa, biết
nơi ở của họ.

雖聞此香，然於鼻根 不壞 不錯。若欲分別為他人說，
憶念不謬。

Tuy vẫn thử hương, nhiên ư tị Căn bất hoại
bất thổ. Nhược dục phân biệt vị tha nhân
thuyết, ức niệm bất mậu.

Tuy người thấy hương này, đương nhiên với
Căn mũi không hỏng không sai. Nếu muốn
phân biệt vì người khác nói, ghi nhớ không
sai.

爾時世欲重宣此義，而說偈言：

Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử
nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn：

Lúc đó Thế Tôn muốn nói lại nghĩa này
mà đọc bài kệ nói rằng：

是人鼻清淨於此世界中若香若臭物

Thị nhân tị Thanh tịnh. Ư thử Thế giới

trung. Nhược hương nhược xú vật.

Mũi người đó Thanh tịnh. Ở trong Thế giới này. Là vật thơm vật hôi.

種種悉聞知 須曼那 闍提 多摩羅梅檀

Chúng chúng tất văn tri. Tu man na Xà đề.

Đa ma la Chiên đàn.

Đủ loại đều ngửi biết. Tu man na Xà đề. Đa ma la Chiên đàn.

沈水及桂香 種種華果香 及知衆生香

Trầm thủy cập quế hương. Chúng chúng hoa quả hương. Cập tri chúng sinh hương.

Nhựa Trầm và hương quế. Đủ loại hương hoa quả. Và biết hương chúng sinh.

男子女人香 說法者遠住聞香知所在

Nam tử nữ nhân hương. Thuyết Pháp giả viễn trụ. Văn hương tri sở tại.

Hương người nam người nữ. Người nói Pháp ở xa. Ngửi hương biết nơi ở.

大勢轉輪王 小轉輪及子羣臣諸宮人

Đại thế Chuyển luân vương. Tiểu Chuyển luân cập tử. Quân thần chư cung nhân.

Vua Chuyển luân thế lớn. Chuyển luân nhỏ và con. Quân thần các cung nhân.

聞香知所在身所著珍寶及地中寶藏

Văn hương tri sở tại. Thân sở trước trân bảo. Cập địa trung bảo tạng.

Ngửi hương biết nơi ở. Thân được đeo châu báu. Và kho báu trong đất.

轉輪王寶女聞香知所在諸人嚴身具

Chuyển luân Vương bảo nữ. Văn hương tri sở tại. Chư nhân nghiêm thân cụ.

Nữ quý Vua Chuyển luân. Ngửi hương biết nơi ở. Đồ nghiêm thân các người.

衣服及瓔珞種種所塗香聞香知其身

Y phục cập anh lạc. Chủng chủng sở đồ hương. Văn hương tri kỳ thân.

Quần áo và chuỗi ngọc. Bôi đủ loại sáp hương. Ngửi hương biết thân họ.

諸天若行坐遊戲及神變持是法華者

Chư Thiên nhược hành tọa. Du hí cập Thân biến. Trì thị Pháp Hoa giả.

Các Trời hoặc đi ngồ. Du chơi và biến hóa. Người giữ Pháp Hoa đó.

Liên Hoa Kinh

聞香悉能知 諸樹華果實 及酥油香氣

Văn hương tất năng tri. Chư thụ hoa quả thực. Cập tô du hương khí.

Người hương đều hay biết. Hoa quả của các cây. Và khí hương dầu bơ.

持經者住此 悉知其所在 諸山深險處

Trì Kinh giả trụ thử. Tất tri kỳ sở tại. Chư sơn thâm hiểm xứ.

Người giữ Kinh ở đây. Đều biết nơi ở đó. Nơi các núi sâu hiểm.

栴檀樹華敷 衆生在中者 聞香悉能知

Chiên đàn thụ hoa phu. Chúng sinh tại trung giả. Văn hương tất năng tri.

Cây Chiên đàn nở hoa. Chúng sinh ở trong đó. Người hương đều hay biết.

鐵圍山大海地中 諸衆生持經者 聞香

Thiết vi sơn đại hải. Địa trung chư chúng sinh. Trì Kinh giả văn hương.

Núi Thiết vi biển lớn. Các chúng sinh trong đất. Người giữ Kinh người hương.

悉知其所在 阿脩羅 男女及其諸眷屬

Tất tri kỳ sở tại. A Tu Ta nam nữ. Cập kỳ

chư quyến thuộc.

**Đều biết nơi ở đó. Nam nữ A Tu Ta. Với
quyến thuộc của họ.**

聞 諍 遊 戲 時 聞 香 皆 能 知 曠 野 險 隘 處

**Đấu tranh du hí thời. Văn hương giai năng
tri. Khoáng dã hiểm ải xứ.**

**Lúc du chơi đấu tranh. Ngử hương đều
hay biết. Nơi hoang vu ải hiểm.**

師 子 象 虎 狼 野 牛 水 牛 等 聞 香 知 所 在

**Sư Tử tượng hổ lang. Dã ngưu thủy ngưu
đẳng. Văn hương tri sở tại.**

**Sư Tử voi hổ sói. Trâu hoang các trâu
nước. Ngử hương biết nơi ở.**

若 有 懷 妊 者 未 辨 其 男 女 無 根 及 非 人

**Nhược hữu hoài nhậm giả. Vị biện kỳ nam
nữ. Vô Căn cập phi nhân.**

**Nếu có người mang thai. Chưa phân biệt
nam nữ. Không Căn và người sai.**

聞 香 悉 能 知 以 聞 香 力 故 知 其 初 懷 妊

**Văn hương tất năng tri. Dĩ văn hương lực
cố. Tri kỳ sơ hoài nhậm.**

Ngửi hương đều hay biết. Do dùng lực ngửi hương. Biết mới thụ thai đó.

成就不成就安樂產福子以聞香力故

Thành tựu bất thành tựu. An lạc sản Phúc tử. Dĩ văn hương lực cố.

Thành công không thành công. Yên vui sinh con Phúc. Do dùng lực ngửi hương.

知男女所念染欲癡恚心亦知修善者

Tri nam nữ sở niệm. Nhiễm dục si khuể tâm. Diệc tri tu thiện giả.

Biết nghĩ của nam nữ. Tâm tham nhiễm si mê. Cũng biết người tu thiện.

地中衆伏藏金銀諸珍寶銅器之所盛

Địa trung chúng phục tàng. Kim ngân chư trân bảo. Đồng khí chi sở thành.

Các kho vùi trong đất. Vàng bạc các châu báu. Đã chế thành đồng khí.

聞香悉能知種種諸瓔珞無能識其價

Văn hương tất năng tri. Chủng chủng chư anh lạc. Vô năng thức kỳ giá.

Ngửi hương đều hay biết. Đủ loại các chuỗi ngọc. Không thể biết giá nó.

聞香知貴賤出處及所在 天上 諸華等

**Văn hương tri quý tiện. Xuất xứ cập sở tại.
Thiên thượng chư hoa đẳng.**

**Ngũ hương biết tốt xấu. Xuất xứ và nơi ở.
Các loại hoa trên Trời.**

曼陀 曼殊沙 波利質多樹 聞香悉能知

**Man đà Man thù sa. Ba lợi Chất đa thụ. Văn
hương tất năng tri.**

**Hoa Sen trắng Sen đỏ. Ba lợi cây Chất đa.
Ngũ hương đều hay biết.**

天上諸宮殿上中下差別 衆寶華莊嚴

**Thiên thượng chư cung điện. Thượng trung
hạ sai biệt. Chúng bảo hoa trang nghiêm.**

**Các cung điện trên Trời. Tốt vừa xấu khác
biệt. Các hoa báu trang nghiêm.**

聞香悉能知 天園林勝殿 諸觀妙法堂

**Văn hương tất năng tri. Thiên viên lâm
Thắng điện. Chư quán diệu Pháp đường.**

**Ngũ hương đều hay biết. Điện Thắng vườn
rừng Trời. Các quán nhà Pháp hay.**

在中而娛樂 聞香悉能知 諸天若聽法

Tại trung nhi ngu lạc. Văn hương tất năng

tri. Chư Thiên nhược thính Pháp.

Vui đùa ở trong đó. Ngửi hương đều hay biết. Các Trời nếu nghe Pháp.

或受五欲時來往行坐卧聞香悉能知

**Hoặc thụ ngũ dục thời. Lai vãng hành tọa
ngọa. Văn hương tất năng tri.**

**Hoặc lúc nhận 5 Tham. Qua lại đi ngồi
nằm. Ngửi hương đều hay biết.**

天女所著衣好華香莊嚴周旋遊戲時

**Thiên nữ sở trước y. Hảo hoa hương trang
nghiêm. Chu toàn du hí thời.**

**Nữ Trời được mặc áo. Hương hoa thơm
trang nghiêm. Lúc du chơi độ sức.**

聞香悉能知如是展轉上乃至於梵世

**Văn hương tất năng tri. Như thị triển
chuyển thượng. Nãi chí ư Phạm thế**

**Ngửi hương đều hay biết. Như thế chuyển
lên trên. Thậm chí Thế giới Phạm.**

入禪出禪者聞香悉能知光音遍淨天

**Nhập Thiên xuất Thiên giả. Văn hương tất
năng tri. Quang Âm Biến Tịnh Thiên.**

Người ra Thiên vào Thiên. Ngửi hương đều hay biết. Trời Quang Âm Biến Tịnh.

乃至於有頂初生及退沒聞香悉能知

Nãi chí ư Hữu Đỉnh. Sơ sinh cập thoái một. Văn hương tất năng tri.

Thậm chí tới Hữu Đỉnh. Mới sinh và thoái chìm. Ngửi hương đều hay biết.

諸比丘衆等於法常精進若坐若經行

Chư Tỳ Kheo chúng đặng. Ư Pháp thường Tinh tiến. Nhược tọa nhược kinh hành.

Các chúng Tỳ Kheo đó. Với Pháp thường Tinh tiến. Hoặc ngồi hoặc qua lại.

及讀誦經法或在林樹下專精而坐禪

Cập đọc tụng Kinh điển. Hoặc tại lâm thụ hạ. Chuyên tinh nhi tọa Thiên.

Và đọc tụng Kinh điển. Hoặc ở dưới cây rừng. Chuyên tinh mà ngồi Thiên.

持經者聞香悉知其所在 菩薩志堅固

Trì Kinh giả văn hương. Tất tri kỳ sở tại. Bồ Tát chí kiên cố.

Người giữ Kinh ngửi hương. Đều biết nơi ở đó. Chí kiên cố Bồ Tát.

坐禪若讀誦 或爲人說法 聞香悉能知

Tọa Thiền nhược đọc tụng. Hoặc vị nhân thuyết Pháp. Văn hương tất năng tri.

Ngồi Thiền hoặc đọc tụng. Hoặc vì người nói Pháp. Ngửi hương đều hay biết.

在在方世尊 一切所恭敬 愍衆而說法

Tại tại phương Thế Tôn. Nhất thiết sở cung kính. Mẫn Chúng nhi thuyết Pháp.

Thế Tôn ở mọi phương. Được tất cả cung kính. Thương Chúng mà nói Pháp.

聞香悉能知 衆生在佛前 聞經皆歡喜

Văn hương tất năng tri. Chúng sinh tại Phật tiền. Văn Kinh giai hoan hỷ.

Ngửi hương đều hay biết. Chúng sinh ở trước Phật. Nghe Kinh đều vui mừng.

如法而修行 聞香悉能知 雖未得 菩薩

Như Pháp nhi tu hành. Văn hương tất năng tri. Tuy vị đắc Bồ Tát.

Như Pháp mà tu hành. Ngửi hương đều hay biết. Tuy chưa được Bồ Tát.

無漏法生鼻 而是持經者 先得此鼻相

Vô lậu Pháp sinh Tị. Nhi thị trì Kinh giả.

Tiên đắc thủ Tị tướng.

Pháp hết Phiền sinh Mũi. Mà người giữ Kinh đó. Trước được tướng Mũi đó.

復次常精進！若善男子善女人，受持是經，
若讀若誦若解說若書寫，得千二百舌功德。

Phục thứ Thường Tinh Tiến ! Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân, thụ trì thị Kinh, nhược đọc, nhược tụng, nhược giải thuyết, nhược thư tả, đắc thiên nhị bách Thiệt Công Đức.

Lại nữa Thường Tinh Tiến ! Nếu người nam thiện, người nữ thiện, nhận giữ Kinh đó, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc giảng giải, hoặc viết chép, được nghìn hai trăm Công Đức của Lưỡi.

若好若醜若美不美，及諸苦澀物，在其舌根，
皆變成上味，如天甘露，無不美者。

Nhược hảo nhược xú, nhược mỹ bất mỹ, cập chư khổ sáp vật, tại kỳ thiệt Căn, giai biến thành thượng vị, như Thiên Cam lộ, vô bất mỹ giả.

Hoặc tốt hoặc hôi, hoặc đẹp không đẹp,

cùng các vật đẳng chất, ở trên Căn lưỡi họ, đều biến thành vị tốt, như Cam lộ của Trời, tất cả đều tốt đẹp.

若以舌根，於大眾中有所演說，出深妙聲，能入其心，皆令歡喜快樂。

Nhược dĩ thiệt Căn, ư Đại Chúng trung hữu sở diễn thuyết, xuất thâm diệu thanh, năng nhập kỳ tâm, giai linh hoan hỉ khoái lạc.

Nếu dùng Căn lưỡi, ở trong Đại Chúng, có ý diễn thuyết, xuất ra âm thanh sâu hay, hay nhập vào tâm họ, đều giúp cho vui sướng.

又諸天子天女釋梵諸天，聞是深妙音聲，有所演說，言論次第，皆悉來聽。

Hựu chư Thiên Tử Thiên Nữ, Thích Phạm chư Thiên, văn thị thâm diệu âm thanh, hữu sở diễn thuyết, ngôn luận thứ đệ, giai tất lai thính.

Mà các người nam Trời, người nữ Trời, các Trời Thích Phạm, nghe âm thanh sâu hay đó, có ý diễn thuyết, lần lượt bảo nhau, tất cả đều tới nghe.

及諸龍龍女 夜叉 夜叉女 乾闥婆

乾闥婆女阿修羅阿修羅女 迦樓羅 迦樓羅女，

Cập chư Long, Long nữ, Dạ Xoa, Dạ Xoa nữ, Kiên Thát Bà, Kiên Thát Bà nữ, A Tu La, A Tu La nữ, Ca Lâu La, Ca Lâu La nữ, Cùng với Rông, nữ Rông, Dạ Xoa, nữ Dạ Xoa, Kiên Thát Bà, nữ Kiên Thát Bà, A Tu La, nữ A Tu La, Ca Lâu La, nữ Ca Lâu La,
緊那羅緊那羅女 摩睺羅伽 摩睺羅伽女，爲聽法故，皆來親近，恭敬供養。

Khẩn Na La, Khẩn Na La nữ, Ma Hầu La Già, Ma Hầu La Già nữ, vị thính Pháp cố, giai lai thân cận, cung kính cúng dưỡng.

Khẩn Na La, nữ Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nữ Ma Hầu La Già, do vì nghe Pháp, đều tới thân thiết, cung kính cúng dưỡng.

及比丘 比丘尼 優婆塞 優婆夷

國王王子群臣眷屬小轉輪王。

Cập Tì Kheo, Tì Kheo ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, Quốc vương Vương tử, quân thần quyến thuộc, tiểu Chuyển luân Vương.

Cùng với nam Tì Kheo, nữ Tì Kheo, nam

Phật Tử, nữ Phật Tử, Quốc Vương con Vua, quân thần quyến thuộc, Vua Chuyển luân nhỏ.

大轉輪王七寶千子內外眷屬，乘其宮殿，俱來聽法。
Đại Chuyển luân vương, thất bảo thiên tử, nội ngoại quyến thuộc, thừa kỳ cung điện, câu lai thánh Pháp.

Vua Chuyển luân lớn, nghìn con trai bảy báu, quyến thuộc nội ngoại, ngôi cung điện của họ, đều tới nghe Pháp.

以是菩薩善說法故，婆羅門居士國內人民，盡其形壽，隨侍供養。

Dĩ thị Bồ Tát thiện thuyết Pháp cố, Bà La Môn Cư Sĩ, Quốc nội nhân dân, tận kỳ hình thọ, tùy thị cúng dưỡng.

Do vì Bồ Tát đó nói Pháp thiện, Bà La Môn Cư Sĩ, nhân dân trong nước, hết cả cuộc đời họ, đi theo giúp đỡ cúng dưỡng.

又諸聲聞辟支佛菩薩諸佛，常樂見之。

Hựu chư Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ Tát, chư Phật, thường nhạo kiến chi.

Mà các Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ Tát, các Phật, thường thích thấy họ.

是人所在方面，諸佛皆向其處說法，悉能受持一切佛法，又能出於深妙法音。

Thị nhân sở tại phương diện, chư Phật giai hướng kỳ xứ thuyết Pháp, tất năng thụ trì nhất thiết Phật Pháp, hựu năng xuất ư thâm diệu Pháp âm.

Người đó ở tại nơi nào, các Phật đều hướng về nơi họ nói Pháp, có thể nhận giữ hết tất cả Pháp Phật, lại có thể phát ra âm Pháp thâm sâu vi diệu.

爾時 世尊 欲重宣此義，而說偈言：

Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn：

Lúc đó Thế Tôn muốn nói lại nghĩa này, mà đọc bài kệ nói rằng：

是人舌根淨終不受惡味其有所食噉

Thị nhân thiết Căn tịnh. Chung bất thụ ác vị. Kỳ hữu sở thực đạm.

Người đó Căn lưỡi sạch. Rất không nhận vị ác. Họ có bị buộc ăn.

悉皆成甘露以深淨妙聲於大眾說法

Tất giai thành Cam lộ. Dĩ thâm tịnh diệu thanh. Ư Đại chúng thuyết Pháp.

Đều cùng thành Cam lộ. Dùng tiếng sâu hay sạch. Trong Đại chúng nói Pháp.

以諸因緣喻引導眾生心聞者皆歡喜

Dĩ chư Nhân duyên dụ. Dẫn đạo chúng sinh tâm. Văn giả giai hoan hỉ.

Dùng các Duyên ví dụ. Dẫn đường tâm chúng sinh. Người nghe đều vui mừng.

設諸上供養諸天龍夜叉及阿脩羅等

Thiết chư đại cúng dưỡng. Chư Thiên Long Dạ Xoa. Cập A Tu La đẳng.

Làm các cúng dưỡng lớn. Các Trời Rồng Dạ Xoa. Cùng các A Tu La.

皆以恭敬心而共來聽法是說法之人

Giai dĩ cung kính tâm. Nhi cộng lai thỉnh Pháp. Thị thuyết Pháp chi nhân.

Đều dùng tâm cung kính. Mà cùng tới nghe Pháp. Người nói giảng Pháp đó.

若欲以妙音遍滿三千界隨意即能至

Nhược dục dĩ diệu âm. Biến mãn Tam

thiên giới. Tùy ý tức năng chí.

**Nếu muốn dùng âm hay. Trần đầy cõi Ba
nghìn. Tùy ý liền hay tới.**

大小轉輪王 及千子眷屬 合掌恭敬心

**Đại tiểu Chuyển luân vương. Cặp thiên tử
quyến thuộc. Hợp chưởng cung kính tâm.**

**Vua Chuyển luân lớn nhỏ. Và nghìn con
quyến thuộc. Chắp tay tâm cung kính.**

常來聽受法 諸天龍夜叉 羅刹毗舍闍

**Thường lai thỉnh thụ Pháp. Chư Thiên
Long Dạ Xoa. La Sát Tì Xá Xà.**

**Thường tới nghe nhận Pháp. Các Trời
Rồng Dạ Xoa. La Sát Tì Xá Xà.**

亦以歡喜心 常樂來供養 梵天王魔王

**Diệc dĩ hoan hỷ tâm. Thường nhạo lai cúng
dưỡng. Chư Phạm vương Ma vương.**

**Cũng dùng tâm vui mừng. Thường thích tới
cúng dưỡng. Các Vua Phạm Vua Ma.**

自在大自在 如是諸天衆 常來至其所

**Tự Tại Đại Tự Tại. Như thị chư Thiên
chúng. Thường lai chí kỳ sở.**

**Tự Tại Đại Tự Tại. Các chúng Trời như thế.
Thường đến tới chỗ họ.**

諸佛及弟子聞其說法音 常念而守護

**Chư Phật cập Đệ tử. Văn kỳ thuyết Pháp
âm. Thường niệm nhi thủ hộ.**

**Các Phật và Đệ tử. Nghe họ nói âm Pháp.
Thường nhớ mà giúp giữ.**

或時爲現身

Hoặc thời vi hiện thân.

Hoặc thời là hiện thân.

復次常精進！若善男子善女人，受持是經，
若讀若誦若解說若書寫，得八百身功德。

**Phục thứ Thường Tinh Tiến ! Nhược thiện
nam tử, thiện nữ nhân, thụ trì thị Kinh,
nhược đọc, nhược tụng, nhược giải thuyết,
nhược thư tả, đắc bát bách Thân Công
Đức.**

**Lại nữa Thường Tinh Tiến ! Nếu người nam
thiện, người nữ thiện, nhận giữ Kinh đó,
hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc giảng giải, hoặc
viết chép, được tám trăm Công Đức của
Thân.**

得清淨身，如淨琉璃。眾生喜見，其身淨故。

Đắc Thanh tịnh thân, như tịnh lưu ly.

Chúng sinh hỉ kiến, kỳ Thân tịnh cố.

**Được thân Thanh tịnh, như lưu ly sáng
sạch. Chúng sinh thấy vui mừng, vì thân
họ sạch.**

三千大千世界眾生，生時死時上下好醜生善處惡處，
悉於中現。

**Tam thiên Đại thiên Thế giới chúng sinh,
sinh thời tử thời, thượng hạ hảo xú, sinh
thiện xú ác xú, tất ư trung hiện.**

**Chúng sinh của Ba nghìn Đại thiên Thế
giới, lúc sinh lúc chết, trên dưới tốt xấu,
sinh nơi ác nơi thiện, đều hiện trong đó.**

及鐵圍山 大鐵圍山 彌樓山 摩訶彌樓山等諸山，
及其中眾生，悉於中現。

**Cập Thiết vi sơn, đại Thiết vi sơn, Di lâu
sơn, Ma ha Di lâu sơn đẳng chư sơn, cập
kỳ trung chúng sinh, tất ư trung hiện.**

**Cùng núi Thiết vi, núi Thiết vi lớn, núi Di
lâu, núi Di lâu lớn cùng với các núi, và**

chúng sinh ở trong này, đều hiện ra ở trong.

下至阿鼻地獄, 上至有頂, 所有及眾生, 悉於中現。
Hạ chí A Tì Địa ngục, thượng chí Hữu Đỉnh, sở hữu cập chúng sinh, tất ư trung hiện.

Dưới tới Địa ngục A Tì, Trên tới Đỉnh Trời, tất cả cùng với chúng sinh, đều hiện ra ở trong.

若聲聞 辟支佛 菩薩 諸佛說法, 皆於身中現其色像。

Nhược Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ Tát, chư Phật thuyết Pháp, giai ư thân trung hiện kỳ sắc tượng.

Hoặc Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ Tát, các Phật nói Pháp, đều hiện ra hình sắc của họ ở trong thân.

爾時世尊欲重宣此義, 而說偈言 :

Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn :

Lúc đó Thế Tôn muốn nói lại nghĩa này mà đọc bài kệ nói rằng :

若持法華者其身甚清淨如彼淨瑠璃

Nhược trì Pháp Hoa giả. Kỳ Thân thậm Thanh tịnh. Như bử tịnh lưu ly.

Nếu người giữ Pháp Hoa. Thân họ rất Thanh tịnh. Như lưu ly sáng đó.

衆生皆喜見又如淨明鏡悉見諸色像

Chúng sinh giai hỷ kiến. Hựu như Tịnh minh kính. Tất kiến chư sắc tượng.

Chúng sinh thấy đều vui. Lại như gương sáng sạch. Đều thấy các sắc hình.

菩薩於淨身皆見世所有唯獨自明了

Bồ Tát ư tịnh thân. Giai kiến thế sở hữu. Tuy độc tự minh liễu.

Bồ Tát với thân sạch. Đều thấy cả Thế giới. Tuy chỉ mình biết rõ.

餘人所不見三千世界中一切諸羣萌

Dư nhân sở bất kiến. Tam thiên Thế giới trung. Nhất thiết chư quần manh.

Người khác không thấy được. Trong Ba nghìn Thế giới. Tất cả mới xảy ra.

天人阿脩羅地獄鬼畜生如是諸色像

Thiên nhân A Tu La. Địa ngục Quỷ Súc

sinh. Như thị chư sắc tượng.

Người Trời A Tu La. Địa ngục Quỷ Súc sinh. Các sắc hình như thế.

皆於身中現 諸天等宮殿 乃至於有頂

Giai ư thân trung hiện. Chư Thiên đẳng cung điện. Nãi chí ư Hữu Đỉnh.

Đều hiện ở trong thân. Các Trời và cung điện. Thậm chí ở Đỉnh Trời.

鐵圍及彌樓 摩訶 彌樓山 諸大海水等

Thiết vi cập Di lâu. Ma ha Di lâu sơn. Chư đại hải thủy đẳng.

Thiết vi và Di lâu. Núi Di lâu to lớn. Loại nước các biển lớn.

皆於身中現 諸佛及聲聞 佛子菩薩等

Giai ư thân trung hiện. Chư Phật cập Thanh Văn. Phật Tử Bồ Tát đẳng.

Đều hiện ở trong Thân. Các Phật và Thanh Văn. Các Bồ Tát Phật Tử.

若獨若在衆 說法悉皆現 雖未得無漏

Nhược độc nhược tại Chúng. Thuyết Pháp tất giai hiện. Tuy vị đắc vô lậu.

Nếu riêng hoặc ở Chúng. Nói Pháp đều cùng hiện. Tuy chưa được Hết phiền.

法性之妙身 以清淨常體 一切於中現

Pháp tính chi diệu Thân. Dĩ Thanh tịnh thường thể. Nhất thiết ư trung hiện.

Tính Pháp và thân đẹp. Dùng thân thường Thanh tịnh. Tất cả hiện trong đó.

復次常精進！若善男子善女人，如來滅後，受持是經，若讀若誦若解說若書寫，得千二百意功德。

Phục thứ Thường Tinh Tiến ! Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân, Như Lai diệt hậu, thụ trì thị Kinh, nhược đọc, nhược tụng, nhược giải thuyết, nhược thư tả, đắc thiên nhị bách Ý Công Đức.

Lại nữa Thường Tinh Tiến ! Nếu người nam thiện, người nữ thiện, sau khi Như Lai tạ thế, nhận giữ Kinh đó, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc giảng giải, hoặc viết chép, được nghìn hai trăm công Đức của ý.

以是清淨意根，乃至聞一偈一句，通達無量無邊之義。

Dĩ thị Thanh tịnh ý Căn, nãi chí văn nhất

kệ nhất cú, thông đạt vô lượng vô biên chi nghĩa.

Dùng Căn ý Thanh tịnh đó, thậm chí nghe một câu một kệ, thông suốt vô lượng vô biên nghĩa.

解是義已，能演說一句一偈，至於一月四月，乃至一歲。

Giải thị nghĩa dĩ, năng diễn thuyết nhất cú nhất kệ, chí ư nhất nguyệt, tứ nguyệt, nãi chí nhất tuế.

Đã hiểu nghĩa đó, có thể diễn thuyết một câu một kệ, tới một tháng bốn tháng, thậm chí một năm.

諸所說法，隨其義趣，皆與實相不相違背。若說俗間經書治世語言資生業等，皆順正法。

Chư sở thuyết Pháp, tùy kỳ nghĩa thú, giai dĩ thực Tướng bất tương vi bối. Nhược thuyết tục gian Kinh thư, trị thế ngữ ngôn, tư sinh nghiệp đẳng, giai thuận chính Pháp.

Các Pháp được nói, tùy theo ý nghĩa của

nó, đều là nghĩa không có Tướng không cùng quay lưng lại. Nếu nói Kinh sách của Thế gian, lời nói dạy đời, các Nghiệp đời tư, đều thuận theo Pháp đúng.

三千大千世界，

六趣眾生心之所行心所動作心所戲論，皆悉知之。

Tam thiên Đại thiên Thế giới, lục Thú chúng sinh tâm chi sở hành, tâm sở động tác, tâm hí luận, giai tất tri chi.

Ba nghìn Đại thiên Thế giới, tâm làm của 6 Đạo chúng sinh, tâm hoạt động, tâm bốn cội, đều cùng biết hết.

雖未得無漏智慧，

而其意根清淨如此。是人有所思惟籌量言說，皆是佛法無不真實，亦是先佛經中所說。

Tuy vị đắc vô lậu Trí tuệ, nhi kỳ ý Căn Thanh tịnh như thử. Thị nhân hữu sở tư duy trừ lượng ngôn thuyết, giai thị Phật Pháp vô bất chân thực, diệc thị tiên Phật Kinh trung sở thuyết.

Tuy chưa được Trí tuệ hết Phiền não mà Căn ý của họ Thanh tịnh như thế. Người đó

có được tư duy tính toán lời nói, đều là Pháp Phật tất cả đều chân thực, cũng là được Phật trước kia nói trong Kinh.

爾時 世尊 欲重宣此義, 而說偈言 :

Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn :

Lúc đó Thế Tôn muốn nói lại nghĩa này mà đọc bài kệ nói rằng :

是人意清淨 明利無濁穢 以此妙意根

Thị nhân ý Thanh tịnh. Minh lợi vô trọc uế. Dĩ thử diệu ý Căn.

Ý người đó Thanh tịnh. Sáng sắc không bản đục. Dùng Căn ý hay này.

知上中下法 乃至聞一偈 通達 無量義

Tri thượng trung hạ Pháp. Nãi chí văn nhất kệ. Thông đạt vô lượng nghĩa.

Biết Pháp cao vừa thấp. Thậm chí nghe một kệ. Thông suốt vô lượng nghĩa.

次第如法說 月四月至歲 是世界內外

Thứ đệ như Pháp thuyết. Nguyệt tứ nguyệt chí tuế. Thị Thế giới nội ngoại.

**Lần lượt nói như Pháp. Tháng bốn tháng
cả năm. Trong ngoài Thế giới đó.**

一切諸衆生若天龍及人 夜叉 鬼神等

**Nhất thiết chư chúng sinh. Nhược Thiên
Long cập Nhân. Dạ Xoa Quỷ Thần đẳng.
Tất cả các chúng sinh. Nếu Trời Rồng và
Người. Các Quỷ Thần Dạ Xoa.**

其在 六趣 中所念若干種持 法華 之報

**Kỳ tại lục Thú trung. Sở niệm nhược can
chủng. Trì Pháp Hoa chi báo.**

**Họ ở trong 6 Đạo. Nhớ được bao nhiêu
loại. Báo do giữ Pháp Hoa.**

一時皆悉知 十方 無數佛 百福莊嚴相

**Nhất thời giai tất tri. Thập phương vô số
Phật. Bách Phúc trang nghiêm tướng.**

**Đồng thời đều cùng biết. Vô số Phật mười
phương. Trăm Phúc trang nghiêm tướng.**

爲衆生說法 悉聞能受持 思惟 無量義

**Vì chúng sinh thuyết Pháp. Tất văn năng
thụ trì. Tư duy vô lượng nghĩa.**

**Vì chúng sinh nói Pháp. đều nghe hay
nhận giữ. Tư duy vô lượng nghĩa.**

說法亦無量終始不忘錯以持法華故

Thuyết Pháp diệc vô lượng. Chung thủy bất vong thố. Dĩ trì Pháp Hoa cố.

Nói Pháp cũng vô lượng. Đầu cuối không sai lầm. Do vì giữ Pháp Hoa.

悉知諸法相隨義識次第達名字語言

Tất tri chư Pháp tướng. Tùy nghĩa thức thứ đệ. Đạt danh tự ngữ ngôn.

Đều biết các tướng Pháp. Lần lượt hiểu theo nghĩa. Hiểu tên chữ lời nói.

如所知演說此人有所說皆是先佛法

Như sở tri diễn thuyết. Thử nhân hữu sở thuyết. Giai thị tiên Phật Pháp.

Biết diễn thuyết như thế. Người này có nói được. Đều là Pháp Phật trước.

以演此法故於眾無所畏持法華經者

Dĩ diễn thử Pháp cố. Ư Chúng vô sở úy. Trì Pháp Hoa Kinh giả.

Do vì nói Pháp này. Trong Chúng không sợ hãi. Người giữ Kinh Pháp Hoa.

意根淨若斯雖未得無漏先有如是相

Ý Căn tịnh nhược tư. Tuy vị đắc vô lậu.

Tiên hữu như thị tướng.

**Căn ý sạch như thế. Tuy chưa được Hết
phiên. Trước có tướng như thế.**

是人持此經 安住希有地 爲一切衆生

**Thị nhân trì thủ Kinh. An trụ hi hữu địa. Vi
nhất thiết chúng sinh.**

**Người đó giữ Kinh này. Yên ở bậc hiếm có.
Được tất cả chúng sinh.**

歡喜而愛敬 能以千萬種 善巧之語言

**Hoan hỉ nhi ái kính. Năng dĩ thiên vạn
chúng. Thiện xảo chi ngữ ngôn.**

**Vui mừng và kính yêu. Hay dùng nghìn vạn
loại. Lời nói thiện tinh xảo.**

分別而說法 持法華經 故

**Phân biệt nhi thuyết Pháp. Trì Pháp Hoa
Kinh cố.**

**Phân biệt mà nói Pháp. Do giữ Kinh Pháp
Hoa.**

妙法蓮華經常不輕 菩薩品第二十

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Thường Bất

Khinh Bồ Tát phẩm đệ nhị thập.

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa phẩm thứ 20

Thường Bất Khinh Bồ Tát.

爾時佛告得大勢 菩薩摩訶薩。汝今當知，
若比丘比丘尼優婆塞優婆夷。

**Nhĩ thời Phật cáo Đắc Đại Thế Bồ Tát Ma
Ha Tát. Nhữ kim đương tri, nhược Tì Kheo,
Tì Kheo ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di.**

**Lúc đó Phật bảo Đắc Đại Thế Bồ Tát Bồ
Tát lớn. Ngài nay cần biết, nếu nam Tì
Kheo, nữ Tì Kheo, nam Phật Tử, nữ Phật
Tử.**

持法花經者，若有惡口罵詈誹謗，獲大罪報，
如前所說。

**Trì thủ Pháp Hoa Kinh giả, nhược ác khẩu
mạ li phỉ báng, hoạch đại tội báo, như tiền
sở thuyết.**

**Người giữ Kinh Pháp Hoa này, nếu có
miệng ác mắng nhiếc phỉ báng, được tội
báo lớn, như được nói trước đây.**

其所得 功德, 如向所說, 眼耳鼻舌身意清淨。
得大勢 !

**Kỳ sở đắc Công Đức như hưởng sở thuyết,
Nhân Nhĩ Tị Thiệt Thân Ý Thanh tịnh. Đắc
Đại Thế !**

**Họ có được Công Đức, như hưởng được
nói, Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý Thanh
tịnh. Đắc Đại Thế !**

乃往古昔, 過無量無邊不可思議 阿僧祇劫,
有佛名威音王如來, 應供正遍知明行足善逝世間解
無上士調御丈夫天人師佛世尊。

**Nãi vãng cổ tích, quá vô lượng vô biên bất
khả tư nghị A tăng kì Kiếp, hữu Phật danh
Uy Âm Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chính
Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế
gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng
Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.**

**Trở lại xa xưa, qua vô lượng vô biên không
thể nghĩ bàn A tăng kì Kiếp, có Phật tên
hiệu Uy Âm Vương Như Lai, Ứng Cúng,
Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện
Thệ, Thế gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều**

Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

劫名離衰，國名大成。其威音王佛，於彼世中，
爲天人阿修羅說法。

**Kiếp danh Ly Suy, Quốc danh Đại Thành.
Kỳ Uy Âm Vương Phật ư bỉ thế trung, vị
Thiên nhân, A Tu La thuyết Pháp.**

**Tên Kiếp Ly Suy, tên Nước Đại Thành. Uy
Âm Vương Phật trong Thế gian đó, vì
người Trời, A Tu La nói Pháp.**

爲求聲聞者，說應四諦法，度生老病死，
究竟涅槃。爲求辟支佛者，說應十二因緣法。

**Vị câu Thanh Văn giả, thuyết ứng Tứ đế
Pháp, độ sinh lão bệnh tử, cứu cánh Niết
Bàn. Vị câu Bích Chi Phật giả, thuyết ứng
thập nhị Nhân duyên Pháp.**

**Vì người câu Thanh Văn, cần nói Pháp
Chân lý Bốn khổ, độ thoát sinh già bệnh
chết, Thành quả Niết Bàn. Vì câu Bích Chi
Phật, cần nói Pháp 12 Nhân duyên.**

爲諸菩薩，因阿耨多羅三藐三菩提，說應六波羅蜜
法，究竟佛慧。得大勢！

Vị chư BỒ Tát, nhân A Nậu Đa La Tam Miệu Tam BỒ ĐỀ, thuyết ứng Lục Ba La Mật Pháp, cứu cánh Phật tuệ. Đắc Đại Thế !

Vì các BỒ Tát, do vì A Nậu Đa La Tam Miệu Tam BỒ ĐỀ, cần nói Pháp BỒ Tát, thành quả Trí tuệ Phật. Đắc Đại Thế !

是 威音王 佛, 壽四十萬億 那由他 恒河沙劫。正
法住 世, 劫數如一 閻浮提 微塵。

Thị Uy Âm Vương Phật, thọ tứ thập vạn ức Na do tha Hằng hà sa Kiếp. Chính pháp trụ thế, Kiếp số như nhất Diêm Phù Đề vi trần. Uy Âm Vương Phật đó, thọ bốn mươi vạn triệu Na do tha Hằng hà sa Kiếp. Pháp đứng ở đời, số Kiếp như bụi trần của Diêm Phù Đề.

像 法住 世, 劫數如 四天下 微塵。其佛饒益眾生已,
然後滅度。

Tượng pháp trụ thế, Kiếp số như tứ Thiên hạ vi trần. Kỳ Phật nhiều ích chúng sinh dĩ, nhiên hậu diệt độ.

Hình pháp ở đời, số Kiếp như bụi trần của

bốn Thiên hạ. Phật đó lợi ích chúng sinh xong, đương nhiên sau đó tạ thế.

正法像法滅盡之後，於此 國土復有佛出，亦號威音王如來，應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。

Chính Pháp, Tượng Pháp diệt tận chi hậu, ư thử Quốc thổ phục hữu Phật xuất, diệc hiệu Uy Âm Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Pháp đúng Hình pháp sau khi mất hết, ở Đất nước này lại có Phật ra đời, cũng tên hiệu Uy Âm Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

如是次第有二萬億佛皆同一號。最初威音王如來，既已滅度，正法滅後，於像法中，增上慢比丘，有大勢力。

Như thị thứ đệ hữu nhị vạn ức Phật giai đồng nhất hiệu. Tối sơ Uy Âm Vương Như Lai, ký dĩ diệt độ, Chính pháp diệt hậu, ư Tượng Pháp trung, tăng thượng mạn Tì Kheo hữu đại thế lực.

Như thế lần lượt có hai vạn trăm triệu Phật đều cùng một tên hiệu. Uy Âm Vương Như Lai đầu tiên, đã tạ thế, sau khi Pháp đúng mất, ở trong Hình pháp, Tì Kheo kiêu mạn cao có thế lực lớn.

爾時有一菩薩比丘，名常不輕。得大勢！以何因緣名常不輕？

Nhĩ thời hữu nhất Bồ Tát Tì Kheo, danh Thường Bất Khinh. Đắc Đại Thế ! Dĩ hà Nhân duyên danh Thường Bất Khinh ?

Lúc đó có một Bồ Tát Tì Kheo, tên là Thường Bất Khinh. Đắc Đại Thế ! Vì Nhân duyên gì tên là Thường Bất Khinh ?

是比丘凡有所見，

若比丘比丘尼優婆塞優婆夷，皆悉禮拜讚歎，

而作是言。

Thị Tì Kheo phạm hữu sở kiến, nhược Tì

Kheo, Tì Kheo ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, giai tất lễ bái tán thán, nhi tác thị ngôn.

Tì Kheo đó nếu có thấy nam Tì Kheo, nữ Tì Kheo, nam Phật Tử, nữ Phật Tử, đều lễ bái ca ngợi tất cả, mà làm lời nói đó.

我深敬汝等，不敢輕慢。所以者何？汝等皆行菩薩道，當得作佛。

Ngã thâm kính Nhữ đẳng, bất cảm khinh mạn. Sở sở giả hà ? Nhữ đẳng giai hành Bồ Tát Đạo, đương đắc tác Phật.

Tôi rất kính trọng các Ngài, không dám khinh mạn. Vì sao như thế ? Các Ngài đều hành Đạo Bồ Tát, đang được làm Phật.

而是比丘，不專讀誦經典，但行禮拜，乃至遠見四眾，亦復故往禮拜讚歎，而作是言。

Nhi thị Tì Kheo, bất chuyên độc tụng Kinh điển, dẫn hành lễ bái, nãi chí viễn kiến Tứ Chúng, diệc phục cố vãng lễ bái tán thán, nhi tác thị ngôn.

Mà Tì Kheo đó, không chuyên cần đọc tụng Kinh điển, chỉ làm lễ bái, thậm chí

thấy Bốn Chúng từ xa, cũng lại cố đi tới ca ngợi lễ bái, mà làm lời nói đó.

我不敢輕於汝等，汝等皆當作佛。

四眾之中有生瞋恚，心不淨者，惡口罵詈，言是無智比丘，從何所來？

Ngã bất cảm khinh ư Nhữ đẳng, Nhữ đẳng giai đương tác Phật. Tứ Chúng chi trung hữu sinh sân khuể, tâm bất tịnh giả, ác khẩu mạ li, ngôn thị : Vô Trí Tì Kheo, tòng hà sở lai ?

Tôi không dám khinh các Ngài, các Ngài đều đang làm Phật. Trong Bốn Chúng có người tâm không Thanh tịnh sinh thù giận, miệng ác mắng nhiếc, nói là : Tì Kheo không có Trí tuệ, từ đâu tới đây ?

自言我不輕汝，而與我等授記，當得作佛，我等不用如是虛妄授記。

Tự ngôn Ngã bất khinh Nhữ, nhi dĩ Ngã đẳng thụ ký, đương đắc tác Phật, Ngã đẳng bất dụng như thị hư vọng thụ ký.

Tự nói Tôi không khinh Ngài, mà nhớ truyền bậc cho chúng ta, đang được làm

**Phật, Chúng ta không dùng kiêu nhỏ
truyền bậc công cuồng như thế.**

如此經歷多年，常被罵詈，
不生瞋恚。常作是言。汝當作佛。

**Như thử kinh lịch đa niên, thường bị mạ li,
bất sinh sân khuể. Thường tác thị ngôn.
Nhữ đương tác Phật.**

**Như việc đó qua nhiều năm, thường bị
nhiếc mắng, không sinh thù giận. Thường
làm lời nói đó. Ngài đang làm Phật.**

說是語時，眾人或以杖木瓦石而打擲之，避走遠住，
猶高聲唱言：我不敢輕於汝等，汝等皆當作佛。

**Thuyết thị ngữ thời, chúng nhân hoặc dĩ
trượng mộc ngoã thạch nhi đả trích chi, tị
tẩu viễn trụ, do cao thanh xướng ngôn :
Ngã bất cảm khinh ư Nhữ đẳng, Nhữ đẳng
giai đương tác Phật.**

**Khi nói lời đó, mọi người hoặc dùng gậy gỗ
gạch đá mà đánh ném, chạy lánh tới nơi
xa, vẫn còn cao giọng nói rằng : Tôi không
dám khinh các Ngài, các Ngài đều đang
làm Phật.**

以其常作是語故，增上慢比丘比丘尼優婆塞優婆夷，號之爲常不輕。

Dĩ kỳ thường tác thị ngũ cố, tăng thượng mạn Tì Kheo, Tì Kheo ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, hiệu chi vi Thường Bất Khinh.

Do vì thường nói câu nói này, Tì Kheo kiêu mạn cao, nam Tì Kheo, nữ Tì Kheo, nam Phật Tử, nữ Phật Tử, đặt tên là Thường Bất Khinh.

是比丘臨欲終時，
於虛空中具聞威音王佛先所說法華經。

Thị Tì Kheo lâm dục chung thời, ư hư không trung, cụ văn Uy Âm Vương Phật, tiên sở thuyết Pháp Hoa Kinh.

Khi Tì Kheo đó sắp muốn bỏ mệnh, ở trong khoảng không nghe đầy đủ Kinh Pháp Hoa, trước tiên được Uy Âm Vương Phật nói.

二十千萬億偈，悉能受持，即得如上眼根清淨，
耳鼻舌身意根清淨。

Nhị thập thiên vạn ức kệ, tất năng thụ trì, tức đắc như thượng Nhãn Căn Thanh tịnh, Nhĩ Tị Thiệt Thân Ý Căn Thanh tịnh.

Hai mươi nghìn vạn triệu kệ, đều hay nhận giữ, liền được Căn Mắt Thanh tịnh như trên, Căn Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý Thanh tịnh.

得是 六根清淨已, 更增壽命二百萬億 那由他 歲, 廣爲人說是 法華經。

Đặc thị Lục Căn Thanh tịnh dĩ, cánh tăng thọ mệnh, nhị bách vạn ức Na do tha tuế, quảng vị Nhân thuyết thị Pháp Hoa Kinh.

Đã được Sáu Căn Thanh tịnh, càng tăng thêm thọ mệnh, 2 vạn triệu trăm Na do tha năm, rộng vì người nói Kinh Pháp Hoa đó.

於時增上慢四眾。比丘比丘尼優婆塞 優婆夷, 輕賤是人, 爲作不輕名者。

Ư thời tăng thượng Tứ Chúng. Tì Kheo Tì Kheo ni Ưu bà tắc Ưu Bà Di, khinh tiện thị nhân, vị tác Bất Khinh danh giả.

Khi đó Bốn Chúng kiêu mạn cao. Nam Tì Kheo, nữ Tì Kheo, nam Phật Tử, nữ Phật Tử, khinh miệt người đó, vì đặt tên là Thường Bất Khinh.

見其得大 神通力，樂說辯力大善寂力，聞其所說，皆信伏隨從。

Kiến kỳ đắc đại Thần thông lực, nhạo thuyết biện lực, đại thiện tịch lực, văn kỳ sở thuyết, giai tín phục tùy tùng.

Thấy Thường Bất Khinh được lực Thần thông lớn, lực ham nói hùng biện, lực dễ im vắng lớn, nghe được người đó nói, đều tin phục đi theo.

是菩薩復化千萬億眾，令住阿耨多羅三藐三菩提。命終之後，得值二千億佛，皆號日月燈明。

Thị Bồ Tát phục hóa thiên vạn ức chúng, linh trụ A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Mệnh chung chi hậu, đắc trực nhị thiên ức Phật, giai hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh.

Bồ Tát đó lại giáo hóa nghìn vạn trăm triệu chúng sinh, giúp cho dừng ở A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Sau khi mệnh hết, được gặp ngay 2 nghìn trăm triệu Phật, đều cùng tên hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh.

於其法中，說是法華經。以是因緣，復值二千億佛，同號雲自在燈王。

Ư kỳ Pháp trung, thuyết thị Pháp Hoa Kinh. Dĩ thị Nhân duyên, phục trực nhị thiên ức Phật, đồng hiệu Vân Tự Tại Đăng Vương. Ở trong Pháp đó, nói Kinh Pháp Hoa. Do Nhân duyên đó, lại được gặp ngay 2 nghìn trăm triệu Phật, cùng một tên hiệu Vân Tự Tại Đăng Vương.

於此諸佛法中，受持讀誦，爲諸四眾說此經典故，得是常眼清淨，耳鼻舌身意諸根清淨。

Ư thử chư Phật Pháp trung, thụ trì độc tụng, vị chư Tứ Chúng thuyết thử Kinh điển cố, đắc thị thường Nhân Thanh tịnh, Nhĩ Tị Thiệt Thân Ý chư Căn Thanh tịnh.

Ở trong Pháp các Phật này, nhận giữ đọc tụng, cố vì các Bốn Chúng nói Kinh điển này, được Mắt thường đó Thanh tịnh, Căn Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý Thanh tịnh.

於四眾中說法，心無所畏。得大勢！是常不輕菩薩摩訶薩，供養如是若干諸佛，恭敬尊重讚歎。

Ư Tứ Chúng trung thuyết Pháp, tâm vô sở úy. Đắc Đại Thế ! Thị Thường Bất Khinh Bồ Tát Ma Ha Tát, cúng dưỡng như thị nhược

can chú Phật, cung kính, tôn trọng, tán thán.

Ở trong Bốn Chúng nói Pháp, tâm không sợ hãi. Đắc Đại Thế ! Thường Bất Khinh Bồ Tát Bồ Tát lớn đó, cúng dường bao nhiêu các Phật như thế, cung kính tôn trọng ca ngợi.

種諸善根，於後復值千萬億佛，亦於諸佛法中，說是經典，功德成就，當得作佛。得大勢！

Chúng chú thiện Căn, ư hậu phục trực thiên vạn ức Phật, diệc ư chú Phật Pháp trung, thuyết thị Kinh điển, Công Đức thành tựu, đương đắc tác Phật. Đắc Đại Thế !

Trông các Căn thiện, về sau cũng gặp ngay nghìn vạn trăm triệu Phật, cũng ở trong các Pháp Phật, nói Kinh điển đó, thành công Công Đức, đang được làm Phật. Đắc Đại Thế !

於意云何？爾時常不輕菩薩豈異人乎？

則我身是。若我於宿世。

Ư ý vân hà ? Nhĩ thời Thường Bất Khinh Bồ

**Tát khải dị nhân hô ? Tắc Ngã thân thị.
Nhược Ngã ư túc thế.**

**Ý này là sao ? Thời đó Thường Bất Khinh
Bồ Tát là ai vậy ? Chắc là thân Ta. Nếu Ta
ở trong kiếp trước.**

不受持讀誦此經，爲他人說者，
不能疾得阿耨多羅三藐三菩提。

**Bất thụ trì độc tụng thử Kinh, vị tha nhân
thuyết giả, bất năng tặc đắc A Nậu Đa La
Tam Miệu Tam Bồ Đề.**

**Không nhận giữ đọc tụng Kinh này, vì
người khác nói, không thể nhanh được
được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.**

我於先佛所，受持讀誦此經，爲人說故，
疾得阿耨多羅三藐三菩提。得大勢！

**Ngã ư tiên Phật sở, thụ trì độc tụng thử
Kinh, vị nhân thuyết cố, tặc đắc A Nậu Đa
La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Đắc Đại Thế !**

**Ta ở nơi ở của Phật trước, nhận giữ đọc
tụng Kinh này, do vì người nói, nhanh được
A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Đắc
Đại Thế !**

彼時 四眾：比丘比丘尼優婆塞優婆夷，以瞋恚意，輕賤我故，二百億劫常不值佛不聞法不見僧。

Bỉ thời Tứ Chúng : Tì Kheo, Tì Kheo ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, dĩ sân khuể ý, khinh tiện Ngã cố, nhị bách ức Kiếp thường bất trực Phật, bất văn Pháp, bất kiến Tăng.

Bốn Chúng thời đó : Nam Tì Kheo, nữ Tì Kheo, nam Phật Tử, nữ Phật Tử, với ý thù giận, do khinh thường Ta, 200 trăm triệu Kiếp thường không trực tiếp gặp Phật, không nghe Pháp, không thấy Tăng.

千劫於 阿鼻地獄 受大苦惱，畢是罪已，復遇常不輕菩薩，教化阿耨多羅三藐三菩提。得大勢！

Thiên Kiếp ư A Tì Địa ngục thụ đại khổ não, tất thị tội dĩ, phục ngộ Thường Bất Khinh Bồ Tát, giáo hóa A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Đắc Đại Thế !

Nghìn Kiếp trong Địa ngục A Tì nhận khổ não lớn, tội đó đã hết, lại gặp Thường Bất Khinh Bồ Tát, giáo hóa A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Đắc Đại Thế !

於汝意云何？爾時四眾常輕是菩薩者，豈異人乎？今此會中跋陀婆羅等五百菩薩

Ư Nhữ ý vân hà ? Nhĩ thời Tứ Chúng thường khinh thị BỒ Tát giả, khả dĩ nhân hô ? Kim thử hội trung Bạt Đà Bà La đẳng ngũ bách BỒ Tát.

Theo ý Ngài là sao ? Bốn Chúng thời đó khinh thường BỒ Tát kia, là người nào vậy ? Nay ở trong hội này, các Bạt Đà Bà La 5 trăm BỒ Tát.

師子月等五百比丘尼思佛等五百優婆塞，皆於阿耨多羅三藐三菩提不退轉者是。得大勢！
Sư Tử Nguyệt đẳng ngũ bách Tì Kheo, Ni Tư Phật đẳng ngũ bách Ưu Bà Tắc, giai ư A nậu đa la tam miệu tam BỒ đề Bất thoái chuyển giả thị. Đắc Đại Thế !

Các Sư Tử Nguyệt 5 trăm Tì Kheo, các Ni Tư Phật 5 trăm nam Phật Tử, đều ở A Nậu Đa La Tam Miệu Tam BỒ ĐỀ Không chuyển lui. Đắc Đại Thế !

當知是法華經，大饒益諸菩薩摩訶薩，能令至於阿耨多羅三藐三菩提。

**Đương trì thị Pháp Hoa Kinh, đại nhiều ích
chư BỒ Tát Ma Ha Tát, năng linh chí ư A
Nậu Đa La Tam Miệu Tam BỒ ĐỀ.**

**Nên biết Kinh Pháp Hoa đó, ích lợi lớn các
BỒ Tát BỒ Tát lớn, hay giúp cho tới được A
Nậu Đa La Tam Miệu Tam BỒ ĐỀ.**

是故諸 菩薩 摩訶薩, 於 如來 滅後,
常應受持讀誦解說書寫是經。

**Thị cố chư BỒ Tát Ma Ha Tát, ư Như Lai
diệt hậu, thường ứng thụ trì, độc tụng, giải
thuyết, thư tả thị Kinh.**

**Vì thế các BỒ Tát BỒ Tát lớn, sau khi Như
Lai tạ thế, thường nên nhận giữ, đọc tụng,
giảng giải, viết chép Kinh đó.**

爾時世尊欲重宣此義, 而說偈言 :

**Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử
nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn :**

**Lúc đó Thế Tôn muốn nói lại nghĩa này
mà đọc bài kệ nói rằng :**

過去有佛 號 威音王 神智無量 將導一切

Quá khứ hữu Phật. Hiệu Uy Âm Vương.

Thần Trí vô lượng. Tương đạo nhất thiết.

Quá khứ có Phật. Hiệu Uy Âm Vương. Thần Trí vô lượng. Sẽ dẫn tất cả.

天人龍神 所共供養 是佛滅後 法欲盡時

Thiên nhân Long Thần. Sở cộng cúng dưỡng. Thị Phật diệt hậu. Pháp dục tận thời.

Người Trời Rồng Thần. Do cùng cúng dưỡng. Sau Phật đó mất. Pháp lúc muốn hết.

有一 菩薩 名常不輕 時諸四衆 計著於法

Hữu nhất Bồ Tát. Danh Thường Bất Khinh.

Thời chư Tứ Chúng. Kế trước ư Pháp.

Có một Bồ Tát. Tên Thường Bất Khinh.

Thời các Bốn Chúng. Tính nương nhờ Pháp.

不輕 菩薩 往到其所 而語之言 我不輕汝

Bất khinh Bồ Tát. Vãng đáo kỳ sở. Nhi ngữ chi ngôn. Ngã bất khinh Nhữ.

Bất khinh Bồ Tát. Tới nơi ở đó. Mà nói lời đó. Tôi không khinh Ngài.

汝等行道 皆當作佛 諸人聞已 輕毀罵詈

Nhữ đẳng hành Đạo. Giai đương tác Phật.

Chư nhân văn dĩ. Khinh hủy mạ li.

Các Ngài hành Đạo. Đều đang làm Phật.

**Mọi người nghe xong. Khinh hủy mắng
nhiếc.**

不輕 菩薩 能忍受之 其罪畢已 臨命終時

**Bất Khinh BỒ Tát. Năng Nhẫn thụ chi. Kỳ
tội tất dĩ. Lâm mệnh chung thời.**

**Bất Khinh BỒ Tát. Hay Nhẫn nhĩn nhận. Tội
đó đã hết. Khi sắp bỏ mệnh.**

得聞此經 六根 清淨 神通力 故 增益壽命

Đắc văn thử Kinh. Lục Căn Thanh tịnh.

Thần thông lực cố. Tăng ích thọ mệnh.

Được nghe Kinh này. Sáu Căn Thanh tịnh.

Do lực Thần thông. Lợi tăng thọ mệnh.

復爲諸人 廣說是經 諸著 法衆 皆蒙 菩薩

Phục vị chư Nhân. Quảng thuyết thị Kinh.

Chư trước Pháp Chúng. Giai môn BỒ Tát.

Lại vì mọi người. Rộng nói Kinh đó. Các

Chúng nhờ Pháp. Đều được BỒ Tát.

教化成就 令住佛道 不輕命終 值無數佛

Giáo hóa thành tựu. Linh trụ Phật Đạo. Bất

Khinh mệnh chung. Trục vô số Phật.

**Giáo hóa thành công. Giúp ở Đạo Phật. Bất
Khinh bỏ mệnh. Gặp vô số Phật.**

說是經故 得無量福 漸具功德 疾成佛道

Thuyết thị Kinh cổ. Đắc vô lượng Phúc.

Tiệm cụ Công Đức. Tật thành Phật Đạo.

**Do nói Kinh đó. Được vô lượng Phúc. Dần
đủ Công Đức. Nhanh thành Đạo Phật.**

彼時不輕 則我身是 時四部衆 著法之者

**Bỉ thời Bất Khinh. Tác Ngã thân thị. Thời
Tứ Bộ Chúng. Trước Pháp chi giả.**

**Bất Khinh thời đó. Chắc là thân Ta. Thời
Bốn Bộ Chúng. Người nương nhờ Pháp.**

聞不輕言 汝當作佛 以是因緣 值無數佛

Văn Bất Khinh ngôn. Nhữ đương tác Phật.

Dĩ thị Nhân duyên. Trục vô số Phật.

Nghe Bất Khinh nói. Ngài đang làm Phật.

Dùng Nhân duyên đó. Gặp vô số Phật.

此會菩薩 五百之衆 并及四部 清信士女

**Thử hội Bồ Tát. Ngũ bách chi Chúng. Tịnh
cập Tứ Bộ. Thanh tín Sĩ nữ.**

**Bồ Tát hội này. Chúng đó năm trăm. Cùng
cả Bốn Bộ. Nữ Sĩ tin sạch.**

今於我前 聽法者是 我於前世 勸是諸人

Kim ư Ngã tiên. Thính Pháp giả thị. Ngã ư tiên thế. Khuyến thị chư Nhân..

Nay ở trước Ta. Là người nghe Pháp. Ta ở Kiếp trước. Khuyến những người đó.

聽受斯經 第一之法 開示教人 令住涅槃

Thính thụ tư Kinh. Đệ nhất chi Pháp. Khai thị giáo nhân. Linh trụ Niết Bàn.

Nghe nhận Kinh này. Pháp đó bậc nhất. Mở tỏ dạy người. Giúp ở Niết Bàn.

世世受持 如是經典 億億萬劫 至不可議

Thế thế thụ trì. Như thị Kinh điển. Úc úc vạn Kiếp. Chí bất khả nghị.

Đời đời nhận giữ. Kinh điển như thế. Trăm triệu trăm triệu vạn Kiếp. Tới không thể bàn.

時乃得聞 是法華經 億億萬劫 至不可議

Thời nãi đắc văn. Thị Pháp Hoa Kinh. Úc úc vạn Kiếp. chí bất khả nghị.

Thời lại được nghe. Kinh Pháp Hoa đó.

Trăm triệu trăm triệu vạn Kiếp. Tới không nghĩ bàn.

Liên Hoa Kinh

諸佛世尊時說是經是故行者於佛滅後

Chư Phật Thế Tôn. Thời thuyết thị Kinh.

Thị cố Hành giả. Ư Phật diệt hậu.

**Các Phật Thế Tôn. Thời nói Kinh đó. Vì thế
Hành giả. Sau Phật tạ thế.**

聞如是經勿生疑惑應當一心廣說此經

**Văn như thị Kinh. Vật sinh nghi hoặc. Ứng
đương nhất tâm. Quảng thuyết thử Kinh.**

Nghe Kinh như thế. Đừng sinh nghi hoặc.

Cần phải nhất tâm. Rộng nói Kinh này.

世世值佛疾成佛道

Thế thế trực Phật. Tật thành Phật Đạo.

Đời đời gặp Phật. Nhanh thành Đạo Phật.

妙法蓮華經如來神力品第二十一

**Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Như Lai Thần lực
Phẩm đệ nhị thập nhất.**

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Phẩm thứ 21

Thần lực của Như Lai.

爾時千世界微塵等 菩薩摩訶薩，從地涌出者，
皆於佛前，一心合掌，瞻仰尊顏，而白佛言：

**Nhĩ thời thiên Thế giới vi trần đẳng Bồ Tát
Ma Ha Tát, tòng địa dũng xuất giả, giai ư
Phật tiền, nhất tâm hợp chưởng, chiêm
ngưỡng tôn nhan, nhi bạch Phật ngôn :**
**Lúc đó các Bồ Tát Bồ Tát lớn bằng số bụi
trần của nghìn Thế giới, người từ đất bay
ra, đều ở trước Phật nhất tâm chấp tay,
chiêm ngưỡng nhan sắc Thế Tôn, mà báo
cáo Phật nói rằng :**

世尊！我等於佛滅後，

世尊分身所在國土滅度之處，當廣說此經。所以者何
？

**Thế Tôn ! Ngã đẳng ư Phật diệt hậu, Thế
Tôn phân thân sở tại Quốc thổ diệt độ chi
xứ, đương quảng thuyết thử Kinh. Sở dĩ giả
hà ?**

**Thế Tôn ! Chúng con sau Phật tạ thế, Hóa
thân của Thế Tôn ở tại Đất nước, nơi tạ thế
đang rộng nói Kinh này. Sở dĩ thế nào ?**

我等亦自欲得是真淨大法，受持讀誦解說書寫，而供養之。

Ngã đẳng diệc tự dục đắc thị chân tịnh đại Pháp, thụ trì độc tụng, giải thuyết thư tả, nhi cúng dưỡng chi.

Chúng con cũng tự muốn được Pháp lớn chân thực Thanh tịnh đó, nhận giữ, đọc tụng, giảng giải, viết chép mà cúng dưỡng nó.

爾時世尊於文殊師利等無量百千萬億舊住娑婆世界菩薩摩訶薩，及諸比丘比丘尼。

Nhĩ thời Thế Tôn ư Văn Thù Sư Lợi đẳng vô lượng bách thiên vạn ức cựu trụ Sa Bà Thế giới Bồ Tát Ma Ha Tát, cập chư Tì Kheo Tì Kheo ni.

Lúc đó Thế Tôn và Văn Thù Sư Lợi cùng với vô lượng trăm nghìn vạn trăm triệu Bồ Tát Bồ Tát lớn ở Sa Bà Thế giới đã lâu, và các nam Tì Kheo, nữ Tì Kheo.

優婆塞 優婆夷 天龍夜叉乾闥婆阿修羅

迦樓羅緊那羅摩睺羅伽人非人等，一切眾前。

Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, Thiên Long, Dạ Xoa,

Kiên Thát Bà, A Tu La, Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hâu La Già, Nhân, phi Nhân đấng, nhất thiết Chúng tiền.

Nam Phật Tử, nữ Phật Tử, Trời Rồng, Dạ Xoa, Kiên Thát Bà, A Tu La, Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hâu La Già, Người, không phải Người, ở trước tất cả Đại Chúng.

現大神力，出廣長舌，上至梵世，

一切毛孔放於無量無數色光，皆悉遍照十方世界。

Hiện đại Thần lực, xuất quảng trường thiệt, thượng chí Phạm thế, nhất thiết mao khổng phóng ư vô lượng vô số sắc quang, giai tất biến chiếu thập phương Thế giới.

Hiện ra Thần lực lớn, sinh ra hình lưỡi dài rộng, lên tới Thế giới Phạm, tất cả lỗ chân lông phóng ra vô lượng vô số sắc quang, đều cùng chiếu sáng khắp Thế giới mười phương.

眾寶樹下，師子座上諸佛，亦復如是出廣長舌，放無量光。

Chúng bảo thụ hạ, Sư Tử tòa thượng chư Phật, diệc phục như thị xuất quảng trường

thiệt, phóng vô lượng quang.

Dưới các cây báu, các Phật trên tòa Pháp, cũng lại xuất ra hình lưỡi dài rộng như thế, phóng vô lượng quang.

釋迦牟尼佛及寶樹下諸佛，現神力時滿百千歲，然後還攝舌相，一時罄歎，俱共彈指。

Thích Ca Mâu Ni Phật cập bảo thụ hạ chư Phật, hiện Thân lực thời, mãn bách thiên tuế, nhiên hậu hoàn nhiếp Thiệt tướng, nhất thời khánh khái, câu cộng đàn chỉ.

Thích Ca Mâu Ni Phật và các Phật ngồi dưới cây báu, lúc hiện ra Thân lực, hơn trăm nghìn năm, đương nhiên sau đó thu lại hình lưỡi, cùng lúc ho khễ, đều cùng giây lát.

是二音聲 遍至十方諸佛世界，地皆六種震動。其中眾生，天龍夜叉乾闥婆阿修羅迦樓羅緊那羅 摩睺羅伽人非人等。

Thị nhị âm thanh biến chí thập phương chư Phật Thế giới, địa giai lục chủng chấn động. Kỳ trung chúng sinh : Thiên, Long, Dạ Xoa, Kiên Thát Bà, A Tu La, Ca Lâu La,

Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, Nhân, phi Nhân đẳng.

Hai âm thanh đó tới khắp các Thế giới Phật mười phương, đất đều 6 loại chấn động, chúng sinh trong đó : Các Trời, Rồng, Dạ Xoa, Kiền Tát Bà, A Tu La, Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, Người, không phải Người.

以佛神力故，皆見此娑婆世界，無量無邊百千萬億，眾寶樹下，

Dĩ Phật Thân lực cố, giai kiến thử Sa Bà Thế giới, vô lượng vô biên bách thiên vạn ức chúng bảo thụ hạ.

Vì do Thân lực của Phật, đều thấy Sa Bà Thế giới này, dưới vô lượng vô biên trăm nghìn vạn trăm triệu các cây báu.

師子座上諸佛，及見釋迦牟尼佛，共多寶如來，在寶塔中坐師子座。

Sư Tử tòa thượng chư Phật, cập kiến Thích Ca Mâu Ni Phật, cộng Đa Bảo Như Lai tại bảo Tháp trung tọa Sư Tử tòa.

Các Phật trên tòa Sư Tử và nhìn thấy Thích

**Ca Mâu Ni Phật cùng Đa Bảo Như Lai, ngồi
tòa Sư Tử ở trong Tháp báu.**

又見無量無邊百千萬億 菩薩 摩訶薩及諸四眾，
恭敬圍繞釋迦牟尼佛。

**Hựu kiến vô lượng vô biên bách thiên vạn
ức Bồ Tát Ma ha tát cập chư Tứ Chúng,
cung kính vi nhiều Thích Ca Mâu Ni Phật.
Lại thấy thấy vô lượng vô biên trăm nghìn
vạn trăm triệu Bồ Tát Bồ Tát lớn và các
Bốn Chúng cung kính vây quanh Thích Ca
Mâu Ni Phật.**

既見是已，皆大歡喜得未曾有。即時諸天，
於虛空中高聲唱言：

**Ký kiến thị dĩ, giai đại hoan hỉ đắc vị tăng
hữu. Tức thời chư Thiên ư hư không trung
cao thanh xướng ngôn :**

**Nhìn thấy như thế xong, đều rất vui mừng
được chưa từng có. Tức thời các Trời ở
trong khoảng không cao giọng ca lên nói
rằng :**

過此無量無邊百千萬億 阿僧祇 世界，有國名
娑婆。是中有佛，名 釋迦牟尼。

Quá thử vô lượng vô biên bách thiên vạn ức A tăng kì Thế giới, hữu Quốc danh Sa Bà. Thị trung hữu Phật, danh Thích Ca Mâu Ni.

Qua vô lượng vô biên trăm nghìn vạn trăm triệu A tăng kì Thế giới này, có Nước tên là Sa Bà. Trong đó có Phật, tên hiệu Thích Ca Mâu Ni.

今爲諸菩薩摩訶薩，說大乘經，名妙法蓮華，
教菩薩法，佛所護念。

Kim vị chư BỒ Tát Ma Ha Tát, thuyết Đại Thừa Kinh, danh Diệu Pháp Liên hoa, giáo BỒ Tát Pháp, Phật sở hộ niệm.

Nay vì các BỒ Tát BỒ Tát lớn, nói Kinh Bạc Phật, tên hiệu Diệu Pháp Liên Hoa, Pháp dạy BỒ Tát, được Phật nhớ giúp.

汝等當深心隨喜，
亦當禮拜供養釋迦牟尼佛。彼諸眾生，
聞虛空中聲已，合掌向娑婆世界，作如是言。

Nhữ đẳng đương thâm tâm tùy hỉ, diệc đương lễ bái cúng dưỡng Thích Ca Mâu Ni Phật. Bĩ chư chúng sinh, văn hư không

trung thanh dĩ, hợp chuông hướng Sa Bà Thế giới, tác như thị ngôn.

Các Ngài cần tâm thâm sâu vui theo, cũng cần lễ bái cúng dường Thích Ca Mâu Ni Phật. Các chúng sinh đó, đã nghe được âm thanh ở trong khoảng không, chấp tay hướng về Sa Bà Thế giới, làm lời nói đó.

南無 釋迦牟尼佛！南無釋迦牟尼佛！

Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật ! Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật !

Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật ! Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật !

以種種華香瓔珞旛蓋，及諸嚴身之具，珍寶妙物，皆共遙散娑婆世界。

Dĩ chủng chủng hoa hương, anh lạc, phan cái, cật chư nghiêm thân chi cụ, trân bảo diệu vật, giai cộng dao tán Sa Bà Thế giới. Dùng các loại hương hoa, chuỗi ngọc, phướn lọng, cùng với các đồ trang nghiêm thân, châu báu vật vi diệu, đều cùng từ xa rải xuống Sa Bà Thế giới.

所散諸物,從十方來,譬如雲集變成寶帳,
遍覆此間諸佛之上。於時十方世界,通達無礙,如一
佛土。

**Sở tán chi vật, tòng thập phương lai, thí
như vân tập biến thành bảo trướng, biến
phúc thử gian chư Phật chi thượng. Ư thời
thập phương Thế giới, thông đạt vô ngại,
như nhất Phật thổ.**

**Các vật được rải, từ mười phương tới, tập
hợp ví như đám mây biến thành trướng
báu, che khắp lên không gian này bên trên
các Phật, khi đó Thế giới mười phương,
thông suốt không có trở ngại, như một đất
Phật.**

爾時佛告上行等菩薩大眾。諸佛神力,
如是無量無邊,不可思議,若我以是神力,
**Nhĩ thời Phật cáo Thượng Hành Đẳng Bồ
Tát Đại Chúng. Chư Phật Thần lực, như thị
vô lượng vô biên, bất khả tư nghị, nhược
Ngã dĩ thị Thần lực.**

**Lúc đó Phật bảo Đại Chúng Thượng Hành
Đẳng Bồ Tát. Thần lực của các Phật, vô**

lượng vô biên như thế, không thể nghĩ bàn, nếu Ta dùng Thần lực đó.

於無量無邊百千萬億阿僧祇劫，爲囑累故，說此經功德，猶不能盡。

Ư vô lượng vô biên bách thiên vạn ức A tăng kì Kiếp, vị chúc lũy cố, thuyết thử Kinh Công Đức, do bất năng tận.

Ở vô lượng vô biên trăm nghìn vạn trăm triệu A tăng kì Kiếp, do vì căn dặn thêm, nói Công Đức của Kinh này, còn không thể hết.

以要言之，如來

一切所有之法如來一切自在神力如來一切祕要之藏如來一切甚深之事，皆於此經宣示顯說。

Dĩ yếu ngôn chi, Như Lai nhất thiết sở hữu chi Pháp, Như Lai nhất thiết Tự tại Thần lực, Như Lai nhất thiết bí yếu chi tạng, Như Lai nhất thiết thậm thâm chi sự, giai ư thử Kinh tuyên thị hiển thuyết.

Do cốt yếu nói rằng, tất cả toàn bộ Pháp của Như Lai, tất cả Thần lực Tự do của Như Lai, tất cả tạng cốt yếu bí mật của

Như Lai, tất cả việc rất sâu của Như Lai, đều tuyên bố tỏ ra rõ nói giảng ở trong Kinh này.

是故汝等，於如來滅後，應一心受持讀誦解說書寫，如說修行。

Thị cố Nhữ đẳng, ư Như Lai diệt hậu, ưng nhất tâm thụ trì độc tụng, giải thuyết thư tả, như thuyết tu hành.

Vì thế các Ngài, sau khi Như Lai tạ thế, nên nhất tâm nhận giữ đọc tụng, giảng giải viết chép, như nói tu hành.

所在國土，若有受持讀誦解說書寫，如說修行。

若經卷所住之處，若於園中若於林中。

Sở tại Quốc thổ, nhược hữu thụ trì độc tụng, giải thuyết thư tả, như thuyết tu hành. Nhược Kinh quyển sở trụ chi xứ, nhược ư viên trung, nhược ư lâm trung.

Ở trong Đất nước, nếu có nhận giữ đọc tụng, giảng giải viết chép, như nói tu hành. Nếu ở nơi có quyển Kinh, hoặc ở trong vườn, hoặc ở trong rừng.

若於樹下若於僧坊若白衣舍若在殿堂若山谷曠野。
是中皆應起塔供養。所以者何？

**Nhược ư thụ hạ, nhược ư Tăng phòng,
nhược bạch y xá, nhược tại điện đường,
nhược sơn cốc khoáng dã. Thị trung giai
ưng khởi Tháp cúng dưỡng. Sở dĩ giả hà ?
Hoặc ở dưới cây, hoặc ở làng Tăng, hoặc ở
nhà dân, hoặc tại điện đường, hoặc nơi
hang núi hoang dã. Trong đó đều cần nổi
lên Tháp cúng dưỡng. Vì sao như thế ?**

當知是處, 即是 道場, 諸佛於此得阿耨多羅三藐三
菩提 諸佛於此轉於 法輪 諸佛於此而 般涅槃。

**Đương tri thị xứ, tức thị Đạo tràng, chư
Phật ư thủ đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam
Bồ Đề, chư Phật ư thủ chuyển ư Pháp luân,
chư Phật ư thủ nhi ban Niết Bàn.**

**Cần biết nơi đó, tức là Đạo tràng, các Phật
ở đây được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam
Bồ Đề, các Phật ở đây chuyển vận vãng
Pháp, các Phật ở đây mà nhập Niết Bàn.**

爾時 世尊 欲重宣此義, 而說偈言：

Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thủ

nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn :

**Lúc đó Thế Tôn muốn nói lại nghĩa này
mà đọc bài kệ nói rằng :**

諸佛救世者住於大神通 爲悅衆生故

**Chư Phật cứu Thế giả. Trụ ư đại Thần
thông. Vị duyệt chúng sinh cố.**

**Các Phật người cứu đời. Ở trong Thần
thông lớn. Do vì chúng sinh thích.**

現無量神力舌相至 梵天 身放無數光

**Hiện vô lượng Thần lực. Thiệt tướng chí
Phạm Thiên. Thân phóng vô lượng quang.**

**Hiện vô lượng Thần lực. Hình lưỡi tới Trời
Phạm. Thân phóng vô lượng quang.**

爲求佛道者現此希有事 諸佛罄歎聲

Vị cầu Phật Đạo cố. Hiện thử hi hữu sự.

Chư Phật khánh khái thanh.

Do vì cầu Đạo Phật. Hiện việc hiếm có này.

Tiếng ho khê các Phật.

及彈指之聲周聞十方國地皆六種動

**Cập đàn chỉ chi thanh. Chu văn thập
phương Quốc. Địa giai lục chủng động.**

**Và tiếng đó giây lát. Nghe khắp Nước mười
phương. Đất đều sáu loại động.**

以佛滅度後能持是經故 諸佛皆歡喜

Dĩ Phật diệt độ hậu. Năng trì thị Kinh cố.

Chư Phật giai hoan hỉ.

Vì sau khi Phật mất. Cố hay giữ Kinh đó.

Các Phật đều vui mừng.

現無量神力囑累是經故讚美受持者

Hiện vô lượng Thần lực. Chúc lữ thị Kinh cố. Tán mỹ thụ trì giả.

Hiện vô lượng Thần lực. Do dặn thêm Kinh đó. Ca ngợi người nhận giữ.

於無量劫中猶故不能盡是人之功德

Ư vô lượng Kiếp trung. Do cố bất năng tận. Thị nhân chi Công Đức.

Ở trong vô lượng Kiếp. Do vì không thể hết. Công Đức của người đó.

無邊無有窮如十方虛空不可得邊際

Vô biên vô hữu cùng. Như thập phương hư không. Bất khả đắc biên tế.

Vô biên không có cùng. Như khoảng không mười phương. Không thể được biên giới.

能持是經者則爲已見我亦見多寶佛

Năng trì thị Kinh giả. Tắc vi dĩ kiến Ngã. Diệc kiến Đa Bảo Phật.

Người hay giữ Kinh đó. Chắc là đã thấy Ta. Cũng thấy Đa Bảo Phật.

及諸分身者又見我今日教化諸菩薩

Cập chư phân thân giả. Hựu kiến Ngã kim

nhật. Giáo hóa chư Bồ Tát.

Và các Hóa thân Phật. Lại thấy Ta ngày nay. Giáo hóa các Bồ Tát.

能持是經者令我及分身滅度多寶佛

Năng trì thị Kinh giả. Linh Ngã cập phân thân. Diệt độ Đa Bảo Phật.

Người hay giữ Kinh đó. Giúp Ta và Hóa thân. Đa Bảo Phật tạ thế.

一切皆歡喜十方現在佛并過去未來

Nhất thiết giai hoan hỉ. Thập phương Hiện tại Phật. Tịnh Quá khứ Vị lai.

Tất cả đều vui mừng. Phật Hiện tại mười phương. Cả Quá khứ Tương lai.

亦見亦供養亦令得歡喜諸佛坐道場

Diệc kiến diệc cúng dưỡng. Diệc linh đắc hoan hỉ. Chư Phật tọa Đạo tràng.

Cũng thấy cũng cúng dưỡng. Cũng giúp được vui mừng. Các Phật ngồi Đạo tràng.

所得祕要法能持是經者不久亦當得

Sở đắc mật yếu Pháp. Năng trì thị Kinh giả. Bất cửu diệc đương đắc.

Do được Pháp mật yếu. Người hay giữ Kinh đó. Không lâu cũng đang được.

能持是經者於諸法之義名字及言辭

Năng trì thị Kinh giả. Ư chư Pháp chi nghĩa.

Danh tự cập ngôn từ.

Người hay giữ Kinh đó. Với nghĩa của các Pháp. Tên chữ và lời nói.

樂說無窮盡 如風於空中 一切無障礙

Nhạo thuyết vô cùng tận. Như phong ư không trung. Nhất thiết vô chướng ngại.

Ham nói không cùng tận. Như gió trong không trung. Tất cả không chướng ngại.

於如來滅後知佛所說經 因緣及次第

Ư Như Lai diệt hậu. Tri Phật sở thuyết Kinh. Nhân duyên cập thứ đệ.

Vì sau Như Lai mất. Biết được Phật nói Kinh. Nhân duyên và thứ tự.

隨義如實說如日月光明能除諸幽冥

Tùy nghĩa như thực thuyết. Như Nhật Nguyệt Quang minh. Năng trừ chư u minh.

Tùy nghĩa nói như thực. Như Quang sáng Nhật Nguyệt. Hay trừ các u tối.

斯人行世間能滅衆生闇教無量菩薩

Tư nhân hành Thế gian. Năng diệt chúng sinh ám. Giáo vô lượng Bồ Tát.

Người này hành Thế gian. Hay diệt mờ chúng sinh. Dạy vô lượng Bồ Tát.

畢竟住一乘是故有智者聞此功德利

Tất cánh trụ Nhất Thừa. Thị cố hữu trí giả.

Văn thử Công Đức lợi.

**Cuối cùng ở Bạc Phật. Vì thế người có Trí.
Nghe lợi Công Đức này.**

於我滅度後應受持斯經是人於佛道

**Ư Ngã diệt độ hậu. Ứng thụ trì tư Kinh. Thị
nhân ư Phật Đạo.**

**Vì sau Ta tạ thế. Cần nhận giữ Kinh này.
Người đó với Đạo Phật.**

決定無有疑

Quyết định vô hữu nghi.

Quyết định không có nghi.

妙法蓮華經囑累品第二十二

**Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Chúc lữ Phẩm
đệ nhị thập nhị.**

**Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Phẩm thứ 22
Giao phó thêm.**

爾時釋迦牟尼佛從法座起，現大神力，
以右手摩無量菩薩摩訶薩頂，而作是言。

Nhĩ thời Thích Ca Mâu Ni Phật tòng Pháp

tòa khởi, hiện đại Thần lực, dĩ hữu thủ ma vô lượng BỒ Tát Ma Ha Tát đỉnh, nhi tác thị ngôn.

Lúc đó Thích Ca Mâu Ni Phật từ tòa Pháp đứng dậy, hiện ra Thần lực lớn, dùng tay phải xoa đỉnh đầu vô lượng BỒ Tát BỒ Tát lớn, mà làm lời nói đó.

我於無量百千萬億阿僧祇劫，
修習是難得阿耨多羅三藐三菩提法。

Ngã ư vô lượng bách thiên vạn ức A tăng kì Kiếp, tu tập thị nan đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề Pháp.

Ta ở vô lượng trăm nghìn vạn trăm triệu A tăng kì Kiếp, tu luyện Pháp A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề khó được đó.

今以付囑汝等，汝等應當一心流布此法，
廣令增益。如是三摩諸菩薩摩訶薩頂，而作是言。

Kim dĩ phó chúc Nhữ đẳng, Nhữ đẳng ứng đương nhất tâm lưu bố thủ Pháp, quảng linh tăng ích. Như thị tam ma chư BỒ Tát Ma Ha Tát đỉnh, nhi tác thị ngôn.

Nay đem giao phó cho các Ngài, các Ngài

cần phải nhất tâm truyền bá Pháp này, rộng giúp tăng ích. Xoa đỉnh đầu các Bồ Tát Bồ Tát lớn như thế 3 lần mà làm lời nói đó.

我於無量百千萬億阿僧祇劫，
修習是難得阿耨多羅三藐三菩提法。

Ngã ư vô lượng bách thiên vạn ức A tăng kì Kiếp, tu tập thị nan đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề Pháp.

Ta ở vô lượng trăm nghìn vạn trăm triệu A tăng kì Kiếp, tu luyện Pháp A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề khó được đó.

今以付囑汝等，汝等當受持讀誦廣宣此法，
令一切眾生普得聞知。所以者何？

Kim dĩ phó chúc Nhữ đẳng, Nhữ đẳng đương thụ trì độc tụng, quảng tuyên thử Pháp, linh nhất thiết chúng sinh phổ đắc văn tri. Sở dĩ giả hà ?

Nay đem phó thác cho các Ngài, các Ngài cần nhận giữ đọc tụng, rộng tuyên dương Pháp này, giúp tất cả chúng sinh đều được nghe biết. Sở dĩ thế nào ?

如來有大慈悲，無諸慳吝，亦無所畏，
能與眾生佛之智慧如來智慧 自然智慧。

**Như Lai hữu Đại Từ Bi, vô chư khan lận,
diệc vô sở úy, năng dĩ chúng sinh Phật chi
Trí tuệ, Như Lai Trí tuệ, tự nhiên Trí tuệ.
Như Lai có Đại Từ Bi, không có tham tiếc,
cũng không sợ hãi, có thể cho chúng sinh
Trí tuệ của Phật, Trí tuệ của Như Lai, Trí
tuệ của tự nhiên.**

如來是一切眾生之大施主，汝等亦應隨學如來之法，
勿生慳吝。

**Như Lai thị nhất thiết chúng sinh chi đại
Thí chủ, Nhữ đẳng diệc ưng tùy học Như
Lai chi Pháp, vật sinh khan lận.**

**Như Lai là chủ Bồ thí lớn của tất cả chúng
sinh, các Ngài cũng nên thuận theo học
Pháp của Như Lai, đừng sinh tham tiếc.**

於未來世，若有善男子善女人，信如來智慧者，
當為演說此法華經，使得聞知，為令其人得佛慧故。

**Ư Vị lai thế, nhược hữu thiện nam tử, thiện
nữ nhân, tín Như Lai Trí tuệ giả, đương vị
diễn thuyết thử Pháp Hoa Kinh, sử đắc văn**

chi, vị linh kỳ nhân đấng Phật Tuệ cố.

Ở đời Tương lai, nếu có người nam thiện, người nữ thiện, tin Trí tuệ của Như Lai, đang vì diễn thuyết Kinh Pháp Hoa này, khiến cho được nghe nó, do vì giúp cho người đó được Trí tuệ của Phật.

若有眾生，不信受者，當於如來餘深法中，示教利喜，汝等若能如是，則為已報諸佛之恩。

Nhược hữu chúng sinh, bất tín thụ giả, đương ư Như Lai dư thâm Pháp trung, thị giáo lợi hỉ, Nhữ đẳng nhược năng như thị, tắc vi dĩ báo chư Phật chi ân.

Nếu có chúng sinh không tin nhận, đang ở trong Pháp thâm sâu khác của Như Lai, tỏ ra dạy bảo lợi vui, các Ngài nếu hay như thế, chắc là đã báo ân các Phật.

時諸菩薩摩訶薩，聞佛作是說已，皆大歡喜，遍滿其身，

益加恭敬，曲躬低頭。合掌向佛俱發聲言。

Thời chư Bồ Tát Ma Ha Tát, văn Phật tác thị thuyết dĩ, giai đại hoan hỉ, biến mãn kỳ thân, ích gia cung kính, khúc cung đê đầu,

**hợp chưởng hướng Phật câu phát thanh
ngôn :**

**Thời các BỒ Tát BỒ Tát lớn, nghe Phật làm
nói giảng đó xong, đều rất vui mừng, tràn
đầy thân họ, cung kính thêm ích, uốn lưng
cúi đầu, chấp tay hướng về Phật cùng phát
ra lời nói rằng :**

如世尊敕,當具奉行,唯然!世尊!願不有慮。

**Như Thế Tôn sắc, đương cụ phụng hành,
duy nhiên ! Thế Tôn ! Nguyên bất hữu lự.**

**Thế Tôn lệnh như thế, cần cung kính thi
hành đầy đủ, tuy nhiên ! Thế Tôn ! Nguyên
không có lo nghĩ.**

諸菩薩摩訶薩眾如是三反俱發聲言 :

**Chư BỒ Tát Ma Ha Tát chúng như thị tam
phản, câu phát thanh ngôn :**

**Các chúng BỒ Tát BỒ Tát lớn nói lại như
thế ba lần, cùng nhau nói rằng :**

如世尊敕,當具奉行,唯然!世尊!願不有慮。

**Như Thế Tôn sắc, đương cụ phụng hành,
duy nhiên ! Thế Tôn ! Nguyên bất hữu lự.**

Thế Tôn lệnh như thế, cần cung kính thi

hành đầy đủ, tuy nhiên ! Thế Tôn ! Nguyên không có lo nghĩ.

爾時 釋迦牟尼佛，令 十方 來諸分身佛，各還本土，而作是言。諸佛各隨所安，多寶 佛塔還可如故。

Nhĩ thời Thích Ca Mâu Ni Phật, linh thập phương lai chư Phân thân Phật, các hoàn bản thổ nhi tác thị ngôn. Chư Phật các tùy sở an, Đa Bảo Phật Tháp hoàn khả như cố. Lúc đó Thích Ca Mâu Ni Phật, giúp các Hóa thân của Phật từ mười phương tới, đều trở về nước của mình mà làm lời nói đó. Các Phật đều tùy nơi yên ổn, Tháp của Đa Bảo Phật có thể trở lại như cũ.

說是語時，十方無量分身諸佛，坐寶樹下師子座上者，及多寶佛，并上行等無邊阿僧祇菩薩大眾。

Thuyết thị ngữ thời, thập phương vô lượng Phân thân chư Phật, tọa bảo thụ hạ Sư Tử tòa thượng giả, cập Đa Bảo Phật, tịnh Thượng Hành Đẳng vô biên A tăng kì Bồ Tát Đại chúng.

Lúc nói lời đó, vô lượng các Hóa thân của Phật mười phương, ngồi trên tòa Sư Tử

dưới cây báu cùng Đa Bảo Phật, gồm cả Thượng Hành Đẳng vô biên A tăng kì Đại chúng Bồ Tát.

舍利弗等 聲聞 四眾, 及一切世間天人阿修羅等, 聞佛所說, 皆大歡喜。

Xá Lợi Phật đấng Thanh Văn Tứ Chúng, cập nhất thiết Thế gian Thiên nhân, A Tu La đấng, văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỉ.

Xá Lợi Phật cùng với Thanh Văn Bốn Chúng và các người Trời, A Tu La của tất cả Thế gian, nghe được Phật nói, đều rất vui mừng.

妙法 蓮華 經藥王 菩薩 本事品第二十三

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Dược Vương Bồ Tát Bản Sự phẩm đệ nhị thập tam.

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Phẩm thứ 23
Việc trước kia của Dược Vương Bồ Tát.

爾時宿王華 菩薩白佛言。世尊！藥王菩薩，
云何遊於娑婆世界？

**Nhĩ thời Tú Vương Hoa Bồ Tát bạch Phật
ngôn : Thế Tôn ! Dược Vương Bồ Tát, vân
hà du ư Sa Bà Thế giới ?**

**Lúc đó Tú Vương Hoa Bồ Tát báo cáo Phật
nói rằng : Thế Tôn ! Dược Vương Bồ Tát, vì
sao đi tới Sa Bà Thế giới ?**

世尊！是藥王 菩薩，有若干百千萬億
那由他難行苦行。善哉！世尊！

**Thế Tôn ! Thị Dược Vương Bồ Tát, hữu
nhược can bách thiên vạn ức Na do tha
nan hành khổ hạnh. Thiện tai ! Thế Tôn !
Thế Tôn ! Dược Vương Bồ Tát, có bao
nhiêu trăm nghìn vạn trăm triệu Na do tha
việc khó hạnh khổ ? Thiện thay ! Thế Tôn !
願少解說，**

諸天龍神夜叉乾闥婆阿修羅迦樓羅緊那羅摩睺羅伽
。

**Nguyện thiếu giải thuyết, chư Thiên, Long
Thần, Dạ Xoa, Kiền Tát Bà, A Tu La, Ca
Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già.**

Nguyện giảng giải đôi chút, các Trời, Rồng Thần, Dạ Xoa, Kiên Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma hầu la già.

人非人等, 又他國土諸來菩薩, 及此聲聞眾, 聞皆歡喜。爾時佛告宿王華菩薩。

Nhân, phi Nhân đấng, hựu tha Quốc thổ chư lai Bồ Tát, cập thử Thanh Văn chúng, văn giai hoan hỉ. Nhĩ thời Phật cáo Tú Vương Hoa Bồ Tát.

Người, không phải Người, lại các Bồ Tát tới của Đất nước khác và các chúng Thanh Văn này, nghe đều vui mừng. Khi đó Phật bảo Tú Vương Hoa Bồ Tát.

乃往過去無量恒河沙劫, 有佛號日月淨明德如來, 應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。

Nãi vãng Quá khứ vô lượng Hằng hà sa Kiếp, hựu Phật hiệu Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Trở lại Quá khứ vô lượng Hằng hà sa Kiếp, có Phật tên hiệu Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đúc Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

其佛有八十億大菩薩摩訶薩，七十二恒河沙大聲聞眾，佛壽四萬二千劫，菩薩壽命亦等。

Kỳ Phật hữu bát thập ức đại Bồ Tát Ma Ha Tát, thất thập nhị Hằng hà sa đại Thanh Văn chúng, Phật thọ tứ vạn nhị thiên Kiếp, Bồ Tát thọ mệnh diệc đẳng.

Phật đó có tám mươi trăm triệu Bồ Tát lớn nhất Bồ Tát lớn, bảy mươi hai Hằng hà sa Thanh Văn lớn. Phật thọ bốn vạn hai nghìn Kiếp, Bồ Tát thọ mệnh cũng như thế.

彼國無有女人地獄 餓鬼 畜生阿修羅等，
及以諸難。

Bỉ Quốc vô hữu nữ nhân, Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh, A Tu La đẳng, cập dĩ chư nạn.

Nước đó không có người nữ, Địa ngục, Quỷ

**đồi, Súc sinh và A Tu La, cùng với các
hoạn nạn.**

地平如掌，琉璃所成。寶樹莊嚴，寶帳覆上，
垂寶華旛，寶瓶香爐，周遍國界。

**Địa bình như chưởng, lưu ly sở thành, bảo
thụ trang nghiêm, bảo trướng phúc thượng,
thùy bảo hoa phan, bảo bình hương lư, chu
biển Quốc giới.**

**Đất bằng như lòng bàn tay, do lưu ly tạo
thành, cây báu trang nghiêm, trướng báu
che lên trên, phướn hoa báu rủ xuống, lư
hương bình báu, đầy khắp Đất nước.**

七寶爲臺，一樹一臺，其樹去臺，
盡一箭道。此諸寶樹，皆有菩薩 聲聞 而坐其下。

**Thất bảo vi đài, nhất thụ nhất đài, kỳ thụ
khứ đài, tận nhất tiễn đạo. Thử chư bảo
thụ, giai hữu Bồ Tát, Thanh Văn, nhi tọa kỳ
hạ.**

**Đài bằng bảy báu, một cây một đài, cây đó
đến đài, xa bằng một đường tên (khoảng
300m). Các cây báu đều có Bồ Tát Thanh
Văn mà ngồi dưới nó.**

諸寶臺上，各有百億諸天，作天伎樂，歌歎於佛，
以爲供養。

**Chư bảo đài thượng, các hữu bách ức chư
Thiên, tác Thiên kĩ nhạc, ca tán ư Phật, dĩ
vi cúng dưỡng.**

**Trên các Đài báu, cũng có trăm trăm triệu
các Trời, đánh kĩ nhạc Trời, ca ngợi các
Phật, dùng làm cúng dưỡng.**

爾時彼佛，爲一切眾生喜見菩薩及眾菩薩諸聲聞
眾，說法華經。

**Nhĩ thời bỉ Phật, vị Nhất Thiết Chúng Sinh
Hỷ Kiến Bồ Tát, cập chúng Bồ Tát, chư
Thanh Văn chúng, thuyết Pháp Hoa Kinh.
Lúc đó Phật đó vì Nhất Thiết Chúng Sinh
Hỷ Kiến Bồ Tát, và các Bồ Tát các chúng
Thanh Văn, nói Kinh Pháp Hoa.**

是一切眾生喜見菩薩，樂習苦行，
於日月淨明德佛法中，精進經行。

**Thị Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến Bồ Tát,
nhạo tập khổ hạnh, ư Nhật Nguyệt Tịnh
Minh Đức Phật Pháp trung, Tinh tiến kinh
hành.**

Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến Bồ Tát đó, ham luyện tập hạnh khổ trong Pháp của Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật, Tinh tiến đi lại.

一心求佛，滿萬二千歲已，得現一切色身

三昧。得此三昧已，心大歡喜，即作念言：

Nhất tâm cầu Phật, mãn vạn nhị thiên tuế dĩ, đắc Hiện nhất thiết sắc thân Tam muội. Đắc thủ Tam muội dĩ, tâm đại hoan hỷ, tức tác niệm ngôn：

Nhất tâm cầu Phật, đủ một vạn hai nghìn năm được Tam muội Hiện ra tất cả sắc thân. Đã được Tam muội (Yên định đúng, Thụ nhận đúng, Giác ngộ đúng) này, tâm rất vui mừng, tức thời làm suy ngẫm nói rằng：

我得現一切色身 三昧，

皆是得聞法華經力。我今當供養日月淨明德

佛及法華經。

Ngã đắc Hiện nhất thiết sắc thân Tam muội, giai thị đắc văn Pháp Hoa Kinh lực. Ngã kim đương cúng dưỡng Nhật Nguyệt

**Tịnh Minh Đức Phật cập Pháp Hoa Kinh.
Ta được Tam muội Hiện ra tất cả sắc thân,
đều là được nghe lục Kinh Pháp Hoa. Ta
nay đang cúng dường Nhật Nguyệt Tịnh
Minh Đức Phật và Kinh Pháp Hoa.**

即時入是三昧，於虛空中，雨曼陀羅華
摩訶曼陀羅華，細末堅黑栴檀，滿虛空中，
如雲而下。

**Tức thời nhập thị Tam muội, ư hư không
trung, vú Man đà la hoa, Ma ha Man đà la
hoa, tế mật kiên hắc Chiên đàn, mãn hư
không trung, như vân nhi hạ.**

**Tức thời nhập vào Tam muội đó, ở trong
khoảng không rải hoa Sen trắng nhỏ, hoa
Sen trắng lớn, bột mịn kiên hắc Chiên đàn,
đầy khắp trong khoảng không, như mây và
rơi xuống.**

又雨海彼岸栴檀之香，此香六銖，價直娑婆世界，
以供養佛。作是供養已，從三昧起，而自念言：

**Hựu vú Hải thử ngạn Chiên đàn chi hương.
Thử hương lục thù, giá trực Sa Bà Thế giới,
dĩ cúng dường Phật. Tác thị cúng dường dĩ,**

tòng Tam muội khởi, nhi tự niệm ngôn :

Lại rải hương Hải thử ngạn Chiên đàn.

Hương đó bằng 1/4 lượng, giá trị bằng Sa Bà Thế giới, dùng cúng dưỡng Phật. Làm cúng dưỡng đó xong, thức dậy từ Tam muội, mà tự nghĩ nói rằng :

我雖以神力供養於佛，

不如以身供養。即服諸香。栴檀薰陸 兜樓婆

畢力迦。

Ngã tuy dĩ Thần lực cúng dưỡng ư Phật, bất như dĩ thân cúng dưỡng. Tức phục chư hương : Chiên đàn, Huân lục, Đâu lâu bà, Tất lục ca.

Ta tuy dùng Thần lực cúng dưỡng với Phật, không bằng dùng thân cúng dưỡng.

Tức thì sử dụng các hương : Chiên đàn, Huân lục, Đâu lâu bà, Tất lục ca.

沈水膠香，又飲瞻蔔諸華香油，滿千二百歲已，

香油塗身，於日月淨明德佛前。

Trầm thủy giao hương, hựu ẩm Đâm bạc chư hoa hương du, mãn thiên nhị bách tuế dĩ, hương du đồ thân, ư Nhật Nguyệt Tịnh

Minh Đức Phật tiền.

**Nhựa trầm giao hương, lại uống dầu hương
hoa Đắm bặc, đủ cho một nghìn hai trăm
năm, hương dầu bôi thân, ở trước Nhật
Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật.**

以天寶衣而自纏身，灌諸香油，以神通力
願而自然身，光明遍照八十億恒河沙世界。

**Dĩ Thiên bảo y nhi tự triển thân, quán chư
hương du, dĩ Thần thông lực nguyện nhi tự
nhiên thân, Quang minh biến chiếu bát
thập ức Hằng hà sa Thế giới.**

**Dùng áo báu Trời mà quấn vào thân, tưới
các loại dầu hương, dùng lực Thần thông
nguyện mà tự đốt thân, ánh quang chiếu
sáng khắp tám mươi trăm triệu Hằng hà sa
Thế giới.**

其中諸佛同時讚言：善哉，善哉！善男子！是真精進，
是真法供養如來。

**Kỳ trung chư Phật đồng thời tán ngôn：
Thiện tai, thiện tai！Thiện nam tử！Thị
chân Tinh tiến, thị danh chân Pháp cúng
dưỡng Như Lai.**

Các Phật ở trong các Thế giới đó đồng thời khen ngợi nói rằng : Thiện thay, thiện thay ! Người nam thiện ! Là Tinh tiến chân thực, tên đó là Pháp chân chính cúng dường Như Lai.

若以華香瓔珞燒香末香塗香天繒旛蓋，
及海彼岸栴檀之香，如是等種種諸物供養，
所不能及。

Nhược dĩ hoa hương anh lạc, thiêu hương, mặt hương, đồ hương, Thiên tăng, phan cái, cập Hải thủ ngạn Chiên đàn chi hương, như thị đẳng chủng chủng chư vật cúng dường, sở bất năng cập.

Nếu dùng hoa hương, chuỗi ngọc, đốt hương, hương bột, hương bôi, lụa Trời, phướn lọng và hương Hải thủ ngạn Chiên đàn, đủ các loại vật cúng dường như thế, do không thể bằng được.

假使國城妻子布施，亦所不及。善男子！

是名第一之施。於諸施中最尊最上，以法供養諸如來故。

Giả sử quốc thành thê tử Bồ thí, diệc sở

bất cập. Thiện nam tử ! Thị danh đệ nhất chi Thí. Ư chư Thí trung tối tôn tối thượng, dĩ Pháp cúng dường chư Như Lai cố.

Giả sử Bồ thí đất thành vợ con, cũng không thể sánh được. Người nam thiện ! Đây là đệ nhất Bồ thí. Trong các loại Bồ thí là tôn kính tối cao nhất, do dùng Pháp cúng dường các Như Lai.

作是語已，而各默然。其身火燃千二百歲，過是已後，其身乃盡。

Tác thị ngữ dĩ, nhi các mặc nhiên. Kỳ thân hỏa nhiên thiên nhị bách tuế, quá thị dĩ hậu, kỳ thân nãi tận.

Làm lời nói đó xong, mà đều im lặng. Thân đó lửa cháy một nghìn hai trăm năm, qua đó về sau, thân đó mới hết.

一切眾生喜見菩薩，作如是法供養已，命終之後，復生日月淨明德佛國中。

Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến Bồ Tát, tác như thị Pháp cúng dường dĩ, mệnh chung chi hậu, phục sinh Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật Quốc trung.

Nhất Thiết Chúng Sinh Hỉ Kiến Bồ Tát, làm Pháp cúng dường như thế xong, sau khi hết mệnh, lại sinh trong Nước của Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật.

於淨德王家, 結加趺坐, 忽然化生,

即爲其父而說偈言 :

Ư Tịnh Đức Vương gia, Kết già phu tọa, hốt nhiên hóa sinh, tức vị kỳ Phụ nhi thuyết kệ ngôn :

Trong gia đình Vua Tịnh Đức, ngồi xếp bằng Kết già, đột nhiên hóa sinh, liền vì Cha mình mà đọc bài kệ nói rằng :

大王今當知我經行彼處即時得一切

Đại Vương kim đương tri. Ngã kinh hành bỉ xứ. Tức thời đắc Nhất thiết.

Vua lớn nay nên biết. Con qua lại xứ Ngài. Tức thời được Tất cả.

現諸身 三昧 勤行大精進捨所愛之身

Hiện chư thân Tam muội. Cần hành đại Tinh tiến. Xả sở ái chi thân.

Hiện các thân Tam muội. Siêng làm Tinh tiến lớn. Vứt bỏ thân yêu quý.

供養於世尊為求無上慧

Cúng dường ư Thế Tôn. Vì cầu Vô Thượng Tuệ.

Cúng dường với Thế Tôn. Vì cầu Tuệ Bình Đẳng.

說是偈已，而白父言：日月淨明德佛，今故現在，我先供養佛已，得解一切眾生語言陀羅尼。

Thuyết thị kệ dĩ, nhi bạch Phụ ngôn : Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật, kim cố hiện tại, Ngã tiên cúng dường Phật dĩ, đắc Giải nhất thiết chúng sinh ngữ ngôn Đà La Ni.

Nói xong bài kệ đó và báo cáo Cha nói rằng : Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật, do nay còn sống, Con trước đã cúng dường Phật, được Đà La Ni Hiểu tất cả lời nói của chúng sinh.

復聞是法華經，八百千萬億那由他，甄迦羅頻婆羅阿[門@(人/(人*人))]婆等偈。

Phục văn thị Pháp Hoa Kinh, bát bách thiên vạn ức Na do tha, Chân ca la, Tần bà la, A xúc bà đẳng kệ.

Lại nghe Kinh Pháp Hoa đó, tám trăm vạn

trăm triệu Na do tha (nhiều vô kể) các bài kệ như Chân ca la, Tần bà la, A xúc bà (tên các Kinh).

大王！我今當還供養此佛。白已，即坐七寶之臺，上昇虛空，高七多羅樹。

Đại Vương ! Ngã kim đương hoàn cúng dưỡng thử Phật. Bạch dĩ, tức tọa thất bảo chi đài, thượng thăng hư không, cao thất Đa la thụ.

Vua lớn ! Con nay nên trở về cúng dưỡng Phật này. Báo cáo xong liền ngồi đài bảy báu, bay lên khoảng không, cao bằng bảy cây Đa la (khoảng 1.732 m).

往到佛所，頭面禮足，合十指爪，以偈讚佛。

Vãng đáo Phật sở, đầu diện lễ túc, hợp thập chỉ trảo, dĩ kệ tán Phật.

Đi tới nơi ở của Phật, phục đỉnh lễ chân, chấp mười ngón tay dùng bài kệ ca ngợi Phật.

容顏甚奇妙光明照十方 我適曾供養

Dung nhan thậm kỳ diệu. Quang minh chiếu thập phương. Ngã thích tăng cúng

dưỡng.

**Dung nhan rất kỳ diệu. Quang sáng chiếu
mười phương. Con mới từng cúng dưỡng.**

今復還親覲

Kim phục hoàn thân cận.

Nay lại về thân thiết.

爾時一切眾生喜見菩薩說是偈已，而白佛言。世尊！
世尊猶故在世。

**Nhĩ thời Nhất Thiết Chúng Sinh Hỉ Kiến Bồ
Tát thuyết thị kệ dĩ, nhi bạch Phật ngôn :
Thế Tôn ! Thế Tôn do cố tại thế.**

**Lúc đó Nhất Thiết Chúng Sinh Hỉ Kiến Bồ
Tát đọc bài kệ đó xong và báo cáo Phật
nói rằng : Thế Tôn ! Thế Tôn vẫn còn ở
Thế gian.**

爾時日月淨明德佛，告一切眾生喜見菩薩。善男子！
我涅槃時到，滅盡時至，汝可安施床座，我於今夜當
般涅槃。

**Nhĩ thời Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật,
cáo Nhất Thiết Chúng Sinh Hỉ Kiến Bồ Tát.
Thiện nam tử ! Ngã Niết Bàn thời đáo, diệt
tận thời chí, Nhữ khả an thi sàng tòa, Ngã ư**

kim dạ đương ban Niết Bàn.

Khi đó Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật bảo Nhất Thiết Chúng Sinh Hỉ Kiến Bồ Tát. Người nam thiện ! Ta tới lúc nhập Niết Bàn, tới thời thành Phật Bồ đề, Ngài có thể xếp yên giường tòa, Ta trong đêm nay cần nhập vào Niết Bàn.

又敕一切眾生喜見菩薩。善男子！

我以佛法囑累於汝，及諸菩薩大弟子。

Hựu sắc Nhất Thiết Chúng Sinh Hỉ Kiến Bồ Tát. Thiện nam tử ! Ngã dĩ Phật Pháp chúc lũy ư Nhữ, cập chư Bồ Tát Đại Đệ tử.

Lại lệnh cho Nhất Thiết Chúng Sinh Hỉ Kiến Bồ Tát. Người nam thiện ! Ta đem Pháp Phật giao phó thêm cho Ngài cùng với các Bồ Tát Đệ tử lớn.

并阿耨多羅三藐三菩提法，亦以三千大千七寶世界，諸寶樹寶臺，及給侍諸天，悉付於汝。

Tịnh A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề Pháp, diệc dĩ Tam thiên Đại thiên thất bảo Thế giới, chư bảo thụ bảo đài, cập cấp thị chư Thiên, tất phó ư Nhữ.

Gồm cả Pháp A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, cùng đem Thế giới bảy báu Ba nghìn Đại thiên, các cây báu đài báu và người Trời cung cấp bảo vệ, giao phó cho Ngài.

我滅度後，所有舍利，亦付囑汝，當令流布，
廣設供養，應起若干千塔。

Ngã diệt độ hậu, sở hữu Xá Lợi, diệc phó chúc Nhữ, đương linh lưu bố, quảng thiết cúng dưỡng, ưng khởi nhược can thiên Tháp.

Sau khi Ta tạ thế, tất cả Xá Lợi, cũng phó thác thêm cho Ngài, cần đem truyền bá, rộng làm cúng dưỡng, cần xây bao nhiêu nghìn Tháp.

如是日月淨明德佛，敕一切眾生喜見菩薩已，
於夜後分，入於涅槃。

Như thị Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật, sắc Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến Bồ Tát dĩ, ư dạ hậu phân, nhập ư Niết Bàn.

Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật lệnh cho Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến Bồ Tát như

thế xong, ở phần cuối đêm nhập vào Niết Bàn.

爾時一切眾生喜見菩薩，見佛滅度，悲感懊惱，戀慕於佛。即以海彼岸栴檀爲[卅/積]，供養佛身，而以燒之。

Nhĩ thời Nhất Thiết Chúng Sinh Hỉ Kiến Bồ Tát kiến Phật diệt độ, bi cảm ảo não, luyến mộ ư Phật. Tức dĩ Hải thử ngạn Chiên đàn vi tịch, cúng dưỡng Phật thân, nhi dĩ thiêu chi.

Lúc đó Nhất Thiết Chúng Sinh Hỉ Kiến Bồ Tát thấy Phật tạ thế, bi cảm ảo não luyến mộ với Phật. Tức thời liền dùng Hải thử ngạn Chiên đàn làm củi, cúng dưỡng Phật thân và dùng nó thiêu.

火滅已後，收取舍利，作八萬四千寶瓶，以起八萬四千塔，高三世界，表刹莊嚴，垂諸旛蓋，懸眾寶鈴。

Hỏa diệt dĩ hậu, thu thủ Xá Lợi, tác bát vạn tứ thiên bảo bình, dĩ khởi bát vạn tứ thiên Tháp, cao tam Thế giới, biểu Sát trang nghiêm, thùy chư phan cái, huyền chúng

bảo linh.

Sau khi lửa tắt, thu nhặt Xá Lợi, chia thành tám vạn bốn nghìn bình báu, dùng xây tám vạn bốn nghìn Tháp, cao ba Thế giới, bên ngoài Chùa trang nghiêm, các phướn lọng rủ xuống, treo các linh báu.

爾時一切眾生喜見菩薩復自念言：我雖作是供養，心猶未足，我今當更供養舍利。

Nhĩ thời Nhất Thiết Chúng Sinh Hỉ Kiến Bồ Tát phục tự niệm ngôn : Ngã tuy tác thị cúng dưỡng, tâm do vị túc, Ngã kim đương cánh cúng dưỡng Xá Lợi.

Lúc đó Nhất Thiết Chúng Sinh Hỉ Kiến Bồ Tát lại tự suy ngẫm nói rằng : Ta tuy làm cúng dưỡng đó, tâm còn chưa thỏa mãn, Ta nay cần tăng thêm cúng dưỡng Xá Lợi.

便語諸菩薩大弟子，

及天龍夜叉等一切大眾。汝等當一心念，

我今供養日月淨明德佛舍利。

Tiện ngữ chư Bồ Tát đại Đệ tử, cập Thiên Long, Dạ Xoa đẳng nhất thiết Đại Chúng. Nhữ đẳng đương nhất tâm niệm, Ngã kim

cúng dưỡng Nhật Nguyệt Tinh Minh Đức Phật Xá Lợi.

Liên bảo các Bồ Tát Đệ tử lớn cùng Trời Rộng, Dạ Xoa cùng với tất cả Đại Chúng. Các Ngài nên nhất tâm nghĩ nhớ, Ta nay cúng dưỡng Xá Lợi của Nhật Nguyệt Tinh Minh Đức Phật.

作是語已，即於八萬四千塔前，然百福莊嚴臂，七萬二千歲而以供養。

Tác thị ngữ dĩ, tức ư bát vạn tứ thiên Tháp tiền, nhiên bách Phúc trang nghiêm tý, thất vạn nhị thiên tuế nhi dĩ cúng dưỡng.

Làm lời nói đó xong, liền ở trước tám vạn bốn nghìn Tháp, đốt cánh tay trăm Phúc trang nghiêm, bảy vạn hai nghìn năm mà dùng cúng dưỡng.

令無數求聲聞眾，無量阿僧祇人發阿耨多羅三藐三菩提心，皆使得住現一切色身三昧。

Linh vô số cầu Thanh Văn chúng, vô lượng A tăng kì nhân phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, giai sử đắc trụ Hiện nhất thiết sắc thân Tam muội.

Giúp vô số cầu chúng Thanh Văn, vô lượng A tăng kì người phát tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, đều sử dụng được dùng ở Tam muội Hiện ra tất cả Sắc thân.

爾時諸菩薩 天人阿修羅等，見其無臂，憂惱悲哀，而作是言。

Nhĩ thời chư BỒ Tát, Thiên nhân, A Tu La đấng, kiến kỳ vô tý, ưu não bi ai, nhi tác thị ngôn.

Lúc đó các BỒ Tát, người Trời, A Tu La, thấy BỒ Tát không có tay, buồn rầu bi thương, mà làm lời nói đó.

此一切眾生喜見菩薩，是我等師，教化我者，而今燒臂，身不具足。

Thử Nhất Thiết Chúng Sinh Hỉ Kiến BỒ Tát, thị Ngã đấng Sư, giáo hóa Ngã giả, nhi kim thiêu tý, thân bất cụ túc.

Nhất Thiết Chúng Sinh Hỉ Kiến BỒ Tát này, là Thầy của chúng ta, giáo hóa Ta, mà nay đốt tay, thân không đầy đủ.

於時一切眾生喜見菩薩，於大眾中立此誓言：
我捨兩臂，必當得佛金色之身，若實不虛，
令我兩臂還復如故。

**Ư thời Nhất Thiết Chúng Sinh Hỉ Kiến Bồ
Tát ư Đại chúng trung, lập thữ thệ ngôn :
Ngã xả lưỡng tý, tất đương đắc Phật kim
sắc chi thân, nhược thực bất hư, linh Ngã
lưỡng tý hoàn phục như cố.**

**Khi đó Nhất Thiết Chúng Sinh Hỉ Kiến Bồ
Tát ở trong Đại chúng, lập lời thệ này nói
rằng : Con cắt bỏ hai tay, nhất định đang
được thân Phật sắc vàng, là thực không
sai, giúp hai tay của Con hoàn lại như cũ.**

作是誓已，

自然還復。由斯菩薩福德智慧淳厚所致。當爾之時，
三千大千世界 六種震動，天雨寶華。

Tác thị thệ dĩ, tự nhiên hoàn phục. Do tư
Bồ Tát Phúc Đức Trí tuệ thuần hậu sở trí.
Đương nhĩ chi thời, Tam thiên Đại thiên
Thế giới lục chủng chấn động, Thiên vũ
bảo hoa.

Làm lời thệ xong, tự nhiên tay hoàn phục.

Do Phúc Đức Trí tuệ của Bồ Tát đó thuần hậu mà có. Ngay lúc đó, Ba nghìn Đại thiên Thế giới phát ra sáu loại chấn động, Trời rơi xuống hoa báu.

一切人天，得未曾有。佛告宿王華菩薩。於汝意云何？一切眾生喜見菩薩，豈異人乎？今藥王菩薩是也。

Nhất thiết Nhân Thiên đặc vị tăng hữu. Phật cáo Tú Vương Hoa Bồ Tát. Ư Nhữ ý vân hà ? Nhất Thiết Chúng Sinh Hỉ Kiến Bồ Tát, khả dị nhân hô ? Kim Dục Vương Bồ Tát thị dã.

Tất cả Trời, Người, được chưa từng có. Phật bảo Tú Vương Hoa Bồ Tát. Theo Ngài ý là thế nào ? Nhất Thiết Chúng Sinh Hỉ Kiến Bồ Tát, là ai vậy ? Nay cũng là Dục Vương Bồ Tát.

其所捨身布施如是，
無量百千萬億那由他數。宿王華！
若有發心欲得阿耨多羅三藐三菩提者。

Kỳ sở xả thân Bố thí như thị, vô lượng bách thiên vạn ức Na do tha số. Tú Vương Hoa !

Nhược hữu phát tâm dục đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề giả.

Người đó do bỏ thân Bồ thí như thế, số lượng vô lượng trăm nghìn vạn trăm triệu Na do tha. Tú Vương Hoa ! Nếu có người phát tâm muốn được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

能燃手指,乃至足一指,供養佛塔,勝以國城妻子,及三千大千國土山林河池諸珍寶物而供養者。

Năng nhiên thủ chỉ, nãi chí túc nhất chỉ, cúng dưỡng bảo Tháp, thắng dĩ quốc thành thân tử, cập Tam thiên Đại thiên Quốc thổ, sơn lâm hà trì, chư trần bảo vật nhi cúng dưỡng giả.

Hay đốt ngón tay, thậm chí đốt một ngón chân, cúng dưỡng Tháp báu, hơn dùng Đất nước thành trì vợ con, cùng với Đất nước của Ba nghìn Đại thiên Thế giới, rừng núi ao đầm, các vật châu báu mà dùng cúng dưỡng.

若復有人,以七寶滿三千大千世界,供養於佛及大菩薩辟支佛阿羅漢。

Nhược phục hữu nhân, dĩ thất bảo mãn Tam thiên Đại thiên Thế giới, cúng dưỡng ư Phật, cập đại Bồ Tát, Bích Chi Phật, A La Hán.

Nếu lại có người, dùng bảy báu đầy khắp Ba nghìn Đại thiên Thế giới, cúng dưỡng với Phật, cùng với Bồ Tát lớn nhất, Bích Chi Phật, A La Hán.

是人所得功德，不如受持此 法華經，
乃至一四句偈，其福最多。

Thị nhân sở đắc Công Đức, bất như thụ trì thử Pháp Hoa Kinh, nãi chí nhất tứ câu kệ, kỳ Phúc tối đa.

Người đó có được Công Đức, không bằng người nhận giữ Kinh Pháp Hoa này, thậm chí một câu một kệ, Phúc này nhiều nhất.

宿王華！譬如一切川流江河諸水之中，海爲第一，
此法華經亦復如是，於諸如來所說經中，最爲深大。

Tú Vương Hoa ! Thí như nhất thiết xuyên lưu giang hà chư thủy chi trung, hải vi đệ nhất, thử Pháp Hoa Kinh diệc phục như thị, ư chư Như Lai sở thuyết Kinh trung, tối vi

thâm đại.

Tú Vương Hoa ! Ví như nước ở trong tất cả sông suối mương ngòi, biển là thứ nhất, Kinh Pháp Hoa này cũng lại như thế, trong các Kinh được Như Lai nói, là thâm sâu lớn nhất.

又如土山黑山小鐵圍山大鐵圍山 及十寶山，
眾山之中，須彌山 爲第一，此法華經
亦復如是，於諸經中最爲其上。

Hựu như thổ sơn, Hắc sơn, tiểu Thiết vi sơn, đại Thiết vi sơn, cập thập bảo sơn, chúng sơn chi trung, Tu Di sơn vi đệ nhất, thử Pháp Hoa Kinh diệc phục như thị, ư chư Kinh trung, tối vi kỳ thượng.

Lại như núi đất, núi Hắc, núi Thiết vi nhỏ, núi Thiết vi lớn, cùng mười núi báu, trong các núi đó, núi Tu Di là thứ nhất, Kinh Pháp Hoa này cũng lại như thế, trong các Kinh, nó là cao nhất.

又如眾星之中，月天子最爲第一，此法華經亦復如是，
於千萬億種諸經法中，最爲照明。

Hựu như chúng Tinh chi trung, Nguyệt

**Thiên tử tối vi đệ nhất, thử Pháp Hoa Kinh
diệc phục như thị, ư thiên vạn ức chúng
chư Kinh Pháp trung, tối vi chiếu minh.**

**Lại như trong các Tinh tú, mặt Trăng là thứ
nhất, Kinh Pháp Hoa này cũng lại như thế,
trong nghìn vạn trăm triệu loại các Kinh
Pháp, là sáng tỏ nhất.**

又如日天子能除諸闇，此經亦復如是，
能破一切不善之闇。

**Hựu như Nhật Thiên tử năng trừ chư ám,
thử Kinh diệc phục như thị, năng phá nhất
thiết bất thiện chi ám.**

**Lại như mặt Trời hay trừ bóng tối, Kinh
này cũng lại như thế, hay phá tất cả các u
ám không thiện.**

又如諸小王中，轉輪聖王最爲第一，此經亦復如是，
於眾經中最爲其尊。

**Hựu như chư Tiểu vương trung, Chuyển
luân Thánh vương tối vi đệ nhất, thử Kinh
diệc phục như thị, ư chúng Kinh trung, tối
vi kỳ tôn.**

Lại như trong các Vua nhỏ, Vua Thánh

Chuyển luân là đệ nhất, Kinh này cũng lại như thế, trong các loại Kinh là tôn quý nhất.

又如帝釋，於三十三天中王，此經亦復如是，諸經中王。

Hựu như Đế Thích, ư tam thập tam Thiên trung Vương, thử Kinh diệc phục như thị, chư Kinh trung Vương.

Lại như Ngọc Hoàng Đế Thích, Vua của Trời Đạo Lợi, Kinh này cũng lại như thế, Vua trong các Kinh.

又如大梵天王，一切眾生之父，此經亦復如是，一切賢聖學無學，及發菩薩心者之父。

Hựu như Đại Phạm Thiên vương, nhất thiết chúng sinh chi Phụ, thử Kinh diệc phục như thị, nhất thiết Hiền, Thánh, Học, Vô học, cập phát Bồ Tát tâm giả chi Phụ.

Lại như Vua Trời Phạm lớn, Cha của tất cả chúng sinh, Kinh này cũng lại như thế, Cha của tất cả Hiền, Thánh, Thanh Văn, La Hán, cùng với người phát tâm Bồ Tát.

又如一切凡夫人中，須陀洹斯陀含阿那含阿羅漢，辟支佛為第一。

Hựu như nhất thiết Phàm phu nhân trung, Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A La Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật vi đệ nhất,

Lại như trong tất cả những người Phàm trần, Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A La Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật là thứ nhất.

此經亦復如是，一切如來所說若菩薩所說若聲聞所說，諸經法中最高為第一。

Thử Kinh diệc phục như thị, nhất thiết Như Lai sở thuyết, nhược Bồ Tát sở thuyết, nhược Thanh Văn sở thuyết, chư Kinh pháp trung, tối vi đệ nhất.

Kinh này cũng lại như thế, được tất cả Như Lai nói, hoặc được Bồ Tát nói, hoặc được Thanh Văn nói, trong các Kinh Pháp, là tối cao bậc nhất.

有能受持是經典者，亦復如是，於一切眾生中，亦為第一。

Hữu năng thụ trì thị Kinh điển giả, diệc phục như thị, ư nhất thiết chúng sinh

trung, diệc vi đệ nhất.

Người có hay nhận giữ Kinh điển đó, cũng lại như thế, trong tất cả chúng sinh, cũng là bậc nhất.

一切聲聞辟支佛中，菩薩爲第一，此經亦復如是，於一切諸經法中，最爲第一。

Nhất thiết Thanh Văn, Bích Chi Phật trung, Bồ Tát vi đệ nhất, thử Kinh diệc phục như thị, ư nhất thiết chư Kinh Pháp trung, tối vi đệ nhất.

Trong tất cả Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ Tát là đệ nhất, Kinh này cũng lại như thế, trong tất cả các Kinh Pháp, là tối cao bậc nhất.

如佛爲諸法王，此經亦復如是，諸經中王。宿王華！此經能救一切眾生者。

Như Phật vi chư Pháp vương, thử Kinh diệc phục như thị, chư Kinh trung Vương. Tú Vương Hoa ! Thử Kinh năng cứu nhất thiết chúng sinh giả.

Như Phật là Vua của các Pháp, Kinh này cũng lại như thế, Vua trong các Kinh. Tú

Vương Hoa ! Kinh này hay cứu giúp tất cả chúng sinh.

此經能令一切眾生，
離諸苦惱。此經能大饒益一切眾生，充滿其願。

Thử Kinh năng linh nhất thiết chúng sinh, ly chư khổ não. Thử Kinh đại nhiều ích nhất thiết chúng sinh, sung mãn kỳ nguyện.

Kinh này hay giúp tất cả chúng sinh, rời các khổ não. Kinh này lợi ích lớn cho tất cả chúng sinh, tràn đầy nguyện của họ.

如清涼池，
能滿一切諸渴乏者。如寒者得火如裸者得衣如商人得主如子得母。

Như thanh lương trì, năng mãn nhất chư khát pháp giả. Như hàn giả đắc hỏa, như loả giả đắc y, như thương nhân đắc chủ, như tử đắc Mẫu.

Như ao mát sạch, hay thỏa mãn cơn khát của các chúng sinh. Như lạnh được lửa, như người ở trần được áo, như người buôn được chủ, như con được Mẹ.

如渡得船如病得醫如暗得燈如貧得寶如民得王如賈客得海如炬除暗。

Như độ đắc thuyền, như bệnh đắc y, như ám đắc đăng, như bần đắc bảo, như dân đắc Vương, như cố khách đắc hải, như cự trừ ám.

Như qua sông có thuyền, như bệnh được thuốc, như tối được đèn, như nghèo được báu vật, như dân được Vua, thuyền buôn gặp biển, như đuốc trừ bóng đêm.

此法華經亦復如是，能令眾生，離一切苦一切病痛，能解一切生死之縛。

Thử Pháp Hoa Kinh diệc phục như thị, năng linh chúng sinh, ly nhất thiết khổ, nhất thiết bệnh thống, năng giải nhất thiết sinh tử chi phược.

Kinh Pháp Hoa này cũng lại như thế, hay giúp chúng sinh rời tất cả khổ, tất cả bệnh tật đau khổ, hay cởi bỏ ràng buộc sinh chết của tất cả chúng sinh.

若人得聞此法華經，若自書若使人書，所得功德，以佛智慧，籌量多少，不得其邊。

Nhược nhân đắc văn thủ Pháp Hoa Kinh, nhược tự thư, nhược sử nhân thư, sở đắc Công Đức, dĩ Phật Trí tuệ, trừ lượng đa thiểu, bất đắc kỳ biên.

Nếu người được nghe Kinh Pháp Hoa này, hoặc tự viết, hoặc sai người viết, có được Công Đức, dùng Trí tuệ của Phật tính toán đo lường được bao nhiêu, không được biên giới của nó.

若書是經卷，

華香瓔珞燒香末香塗香旛蓋衣服。種種之燈，

酥燈油燈諸香油燈

Nhược thư thị Kinh quyển, hoa hương, anh lạc, thiêu hương, mặt hương, đồ hương, phan cái, y phục. Chủng chủng chi đặng, tô đặng du đặng, chư hương du đặng.

Nếu viết quyển Kinh đó, dùng hương hoa, chuỗi ngọc, hương đốt, hương bột, hương bôi, phướn lọng, quần áo, các loại đèn, đèn dầu, đèn nến, đèn dầu thơm.

瞻蔔油燈 須曼那

油燈波羅羅油燈婆利師迦油燈那婆摩利油燈供養，

所得功德亦復無量。

Đảm bặc du đấng, Tu man na du đấng, Ba la la du đấng, Bà lợi sư ca du đấng, Na bà ma lợi du đấng cúng dưỡng, sở đắc Công Đức diệc phục vô lượng.

Đèn dầu Đảm bặc, đèn dầu Tu man na, đèn dầu Ba la la, đèn dầu Bà lợi sư ca, đèn dầu Na bà ma lợi, có được Công Đức cũng lại vô lượng.

宿王華！若有人聞是藥王菩薩本事品者，亦得無量無邊功德。

Tú Vương Hoa ! Nhược hữu nhân văn thị Dược Vương Bồ Tát bản sự phẩm giả, diệc đắc vô lượng vô biên Công Đức.

Tú Vương Hoa ! Nếu có người nghe phẩm Việc trước kia của Dược Vương Bồ Tát đó, cũng được Công Đức vô lượng vô biên.

若有女人，聞是藥王菩薩本事品，能受持者，盡是女身，後不復受。

Nhược hữu nữ nhân, văn thị Dược Vương Bồ Tát bản sự phẩm, năng thụ trì giả, tận thị nữ thân, hậu bất phục thụ.

Nếu có người nữ nghe phẩm Việc trước kia của Dược Vương Bồ Tát đó, có thể nhận giữ, hết thân nữ đó, sau không trở lại nhận.

若如來滅後，後五百歲中，若有女人，聞是經典，如說修行，於此命終。

Nhược Như Lai diệt hậu, hậu ngũ bách tuế trung, nhược hữu nữ nhân, văn thị Kinh điển, như thuyết tu hành, ư thử mệnh chung.

Nếu sau khi Như Lai tạ thế, sau trong 500 năm, nếu có người nữ, nghe Kinh điển đó, như nói tu hành, lúc bỏ mệnh này.

即往安樂世界，阿彌陀佛，大菩薩眾，圍繞住處，生蓮華中寶座之上。

Tức vãng An Lạc Thế giới, A Di Đà Phật, đại Bồ Tát chúng, vi nhiều trụ xứ, sinh Liên hoa trung bảo tòa chi thượng.

Tức thời được sinh tới An Lạc Thế giới, A Di Đà Phật, chúng Bồ Tát lớn nhất, vây quanh nơi ở, sinh trong hoa Sen ở trên tòa báu.

不復爲貪欲所惱，亦復不爲瞋恚愚癡所惱，
亦復不爲憍慢嫉妒諸垢所惱。

**Bất phục vi tham dục sở não, diệc phục
bất vi sân khuể, ngu si sở não, diệc phục
bất vi kiêu mạn, tật đố chư cấu sở não.**

**Không trở lại bị tham muốn làm Phiền não,
không bị hận thù, ngu si làm Phiền não, lại
cũng không bị kiêu mạn, ghen ghét ô uế
làm Phiền não.**

得菩薩神通 無生法忍。得是忍已，
眼根清淨。以是清淨眼根，見七百萬二千億 那由他
恒河沙等諸佛 如來。

**Đắc Bồ Tát Thần thông, Vô sinh Pháp
nhẫn. Đắc thị Nhẫn dĩ, Nhẫn căn Thanh
tịnh. Dĩ thị Thanh tịnh Nhẫn căn, kiến thất
bách vạn nhị thiên ức Na do tha Hằng hà
sa đẳng chư Phật Như Lai.**

**Được Bồ Tát Thần thông, Pháp nhẫn
Không sinh. Được Nhẫn đó rồi, Căn mắt
Thanh tịnh. Dùng Căn mắt Thanh tịnh đó,
thấy bảy trăm vạn hai nghìn trăm triệu Na
do tha Hằng hà sa các Phật Như Lai.**

是時諸佛遙共讚言：善哉，善哉！善男子！汝能於釋迦牟尼佛法中。

Thị thời chư Phật dao kỳ tán ngôn : Thiện tai, thiện tai ! Thiện nam tử ! Nhữ năng ư Thích Ca Mâu Ni Phật Pháp trung.

Khi đó các Phật từ xa cùng khen ngợi nói rằng : Thiện thay, thiện thay ! Người nam thiện ! Ngài hay ở trong Pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật.

受持讀誦思惟是經，爲他人說，所得福德無量無邊，火不能燒水不能漂。

Thụ trì đọc tụng, tư duy thị Kinh, vị tha nhân thuyết, sở đắc Phúc Đức vô lượng vô biên, hỏa bất năng thiêu, thủy bất năng phiêu.

Nhận giữ đọc tụng, tư duy Kinh đó, vì người khác nói, có được Phúc Đức vô lượng vô biên, lửa không thể đốt, nước không thể cuốn trôi.

汝之功德，千佛共說不能令盡。汝今已能破諸魔賊，壞生死軍，諸餘怨敵，皆悉摧滅。

Nhữ chi Công Đức, thiên Phật cộng thuyết

bất năng linh tận. Nhữ kim dĩ năng phá chư Ma tặc, hoại sinh tử quân, chư dư oán địch giai tất thôi diệt.

Công Đức của Ngài, nghìn Phật cùng nói không thể làm cho hết. Ngài nay đã có thể phá các Ma cướp oán, hủy bỏ sinh chết, các oán địch khác tất cả đều diệt hết.

善男子！百千諸佛以神通力，共守護汝。

於一切世間，天人之中，無如汝者，唯除如來。

Thiện nam tử ! Bách thiên chư Phật dĩ Thần thông lực, cộng thủ hộ Nhữ. Ư nhất thiết Thế gian, Thiên nhân chi trung, vô như Nhữ giả, duy trừ Như Lai.

Người nam thiện ! Trăm nghìn các Phật dùng lực Thần thông, cùng giúp bảo vệ Ngài. Trong tất cả Thế gian người Trời, không bằng Ngài, chỉ ngoại trừ Như Lai.

其諸聲聞辟支佛，乃至菩薩，智慧禪定，

無有與汝等者。宿王華！

此菩薩成就如是功德智慧之力。

Kỳ chư Thanh Văn, Bích Chi Phật, nãi chí Bồ Tát, Trí tuệ Thiên Định, vô hữu dĩ Nhữ

đẳng giả. Tú Vương Hoa ! Thử Bồ Tát thành tựu như thị Công Đức Trí tuệ chi lực. Các Thanh Văn, Bích Chi Phật đó, thậm chí Bồ Tát, Trí tuệ Thiên Định không có bằng Ngài. Tú Vương Hoa ! Dược Vương Bồ Tát thành công lực Trí tuệ Công Đức như thế.

若有人聞是藥王 菩薩 本事品，能隨喜讚善者，
是人現世口中，常出青 蓮華 香。

Nhược hữu nhân văn thị Dược Vương Bồ Tát bản sự phẩm, năng tùy hỉ tán thiện giả, thị nhân hiện thế khẩu trung, thường xuất thanh Liên hoa hương.

Nếu có người nghe phẩm Việc trước kia của Dược Vương Bồ Tát đó, hay vui theo khen thiện, người đó đời hiện tại trong miệng thường xuất ra hương Sen xanh.

身毛孔中，常出牛頭栴檀之香，所得功德，
如上所說。是故宿王華！以此藥王菩薩本事品，
囑累於汝。

Thân mao khổng trung thường xuất Ngưu đầu Chiên đàn chi hương, sở đắc Công

Đức, như thượng sở thuyết. Thị cố Tú Vương Hoa ! Dĩ thử Dược Vương Bồ Tát bản sự phẩm, Chúc lữ ư Nhữ.

Trong lỗ chân lông trên thân thường sinh ra hương Ngưu đầu Chiên đàn, có được Công Đức, được nói như trên. Vì thế Tú Vương Hoa ! Dùng phẩm Việc trước kia của Dược Vương Bồ Tát, giao phó thêm cho Ngài.

我滅度後，後五百歲中，廣宣流布於閻浮提，無令斷絕，惡魔魔民諸天龍夜叉鳩槃荼等，得其便也。

Ngã diệt độ hậu, hậu ngũ bách tuế trung, quảng tuyên lưu bố ư Diêm Phù Đề, vô linh đoạn tuyệt, ác Ma Ma dân, chư Thiên Long, Dạ Xoa, Cưu bàn đồ đẳng, đặc kỳ tiện dã.

Sau khi Ta tạ thế, sau trong 500 năm, tuyên truyền rộng nói khắp ở Diêm Phù Đề, không làm cho đoạn tuyệt, Ma ác, Ma dân, Trời Rồng, Dạ Xoa, Cưu Bàn Đồ, cũng được tiện lợi này.

宿王華！汝當以神通之力，守護是經。所以者何？此經則為閻浮提人病之良藥。

Tú Vương Hoa ! Nhữ đương dĩ Thần thông chi lực, thủ hộ thị Kinh. Sở dĩ giả hà ? Thử Kinh tắc vi Diêm Phù Đề nhân bệnh chi lương dược.

Tú Vương Hoa ! Ngài cần dùng lực Thần thông, giúp bảo vệ Kinh đó. Sở dĩ thế nào ? Kinh này chắc là thuốc quý của người bệnh ở Diêm Phù Đề.

若人有病，得聞是經，病即消滅，不老不死。宿王華！
Nhược nhân hữu bệnh, đắc văn thị Kinh, bệnh tức tiêu diệt, bất lão bất tử. Tú Vương Hoa !

Nếu người có bệnh được nghe Kinh đó, bệnh tức thời tiêu diệt, không già, không chết. Tú Vương Hoa !

汝若見有受持是經者，應以青蓮花，盛滿末香，供散其上。散已，作是念言。

Nhữ nhược kiến hữu thụ trì thị Kinh giả, ưng dĩ thanh Liên hoa, thành mãn mạt hương, cộng tán kỳ thượng. Tán dĩ, tác thị

niệm ngôn.

Ngài nếu thấy có người nhận giữ Kinh đó, cần dùng hoa Sen xanh, chứa đầy bột hương, cùng rắc lên trên họ. Rắc xong làm suy ngẫm nói đó.

此人不久，必當取草坐於道場，
破諸魔軍當吹法螺擊大法鼓，度脫一切眾生，
老病死海。

Thử nhân bất cứu, tất đương thủ thảo tọa ư Đạo tràng, phá chư Ma quân, đương xuy Pháp loa, kích đại Pháp cổ, độ thoát nhất thiết chúng sinh, lão bệnh tử hải.

Người đó không lâu, nhất định đang cầm đệm cỏ ngồi ở Đạo tràng, phá các quân Ma, đang thổi loa Pháp, đánh trống Pháp lớn, độ thoát tất cả chúng sinh qua biển già bệnh chết.

是故求佛道者，見有受持是經典人，
應當如是生恭敬心。

Thị cố cầu Phật Đạo giả, kiến hữu thụ trì thị Kinh điển nhân, ứng đương như thị sinh cung kính tâm.

Vì thế người cầu Đạo Phật, thấy có người nhận giữ Kinh điển đó, cần phải sinh tâm cung kính như thế.

說是藥王 菩薩 本事品時，八萬四千菩薩，
得解一切眾生語言 陀羅尼。

Thuyết thị Dược Vương Bồ Tát bản sự phẩm thời, bát vạn tứ thiên Bồ Tát, đắc Giải nhất thiết chúng sinh ngữ ngôn Đà La Ni.

Lúc nói phẩm Việc trước kia của Dược Vương Bồ Tát đó, tám vạn 4 nghìn Bồ Tát, được Đà La Ni Hiểu tất cả lời nói của chúng sinh.

多寶如來於寶塔中，讚宿王華菩薩言：善哉，善哉！
宿王華！

Đa Bảo Như Lai ư bảo Tháp trung, tán Tú Vương Hoa Bồ Tát ngôn : Thiện tai, thiện tai ! Tú Vương Hoa !

Đa Bảo Như Lai ở trong Tháp báu, khen Tú Vương Hoa Bồ Tát nói rằng : Thiện thay, thiện thay ! Tú Vương Hoa !

汝成就不可思議功德，乃能問釋迦牟尼佛，
如此之事，利益無量一切眾生。

**Nhữ thành tựu bất khả tư nghị Công Đức,
nãi năng vấn Thích Ca Mâu Ni Phật, như
thử chi sự, lợi ích vô lượng nhất thiết
chúng sinh.**

**Ngài thành công Công Đức không thể nghĩ
bàn, lại hay hỏi Thích Ca Mâu Ni Phật, như
sự việc này, lợi ích vô lượng tất cả chúng
sinh.**

妙法蓮華經卷第六。

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh quyển đệ lục.

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa quyển thứ sáu.

南無藥王菩薩。

Nam mô Dược Vương Bồ Tát.

Nam mô Dược Vương Bồ Tát.

彌勒啓問。較量經因。六根清淨見天真。

Di Lạc khai vấn. Giảo lượng Kinh nhân.

Lục Căn Thanh tịnh kiến Thiên chân.

Di Lạc hỏi rõ. Vì do sức Kinh. Sáu Căn

Thanh tịnh thấy chân thực Cõi Trời.

Liên Hoa Kinh

不輕禮常存。爲法然身。供養淨明尊。

**Bất Khinh lễ thường tôn. Vì Pháp nhiên
thân. Cúng dường Tịnh Minh Tôn.**

**Văn thường lễ Bất Khinh. Vì Pháp đốt thân.
Cúng dường Tịnh Minh Tôn.**

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION

<http://www.daitangvietnam.com>

**Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn
Hiển Trần Tiến Huyền phiên âm & lược
dịch.**

**Phật Tử Bùi Đức Huệ dịch tiếng Việt
10/2008 (4/2010 -2013).**

=====
=====